

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG



ISO 9001:2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN

Sinh viên : Trần Thị Thắm

Giảng viên hướng dẫn: ThS. Nguyễn Văn Thụ

HẢI PHÒNG - 2016

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH
TẠI CÔNG TY TNHH MTV CÔNG NGHIỆP TÀU THỦY
CÁI LÂN

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : Trần Thị Thắm

Giảng viên hướng dẫn: ThS. Nguyễn Văn Thụ

HẢI PHÒNG - 2016

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Trần Thị Thắm

Mã SV: 1413401001

Lớp: QTL801K

Ngành: Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán tài sản cố định tại công ty
TNHH một thành viên công nghiệp tàu thủy Cái Lân

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).
 - Hệ thống lý luận chung về tổ chức công tác kế toán tài sản cố định trong doanh nghiệp.
 - Mô tả và đánh giá thực trạng công tác kế toán tài sản cố định tại Công ty TNHH một thành viên công nghiệp tàu thủy Cái Lân
 - Đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán tài sản cố định tại Công ty TNHH một thành viên công nghiệp tàu thủy Cái Lân

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

Sử dụng số liệu kế toán năm 2015 của Công ty TNHH một thành viên công nghiệp tàu thủy Cái Lân.

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

Công ty TNHH một thành viên công nghiệp tàu thủy Cái Lân

Địa chỉ: Khu 5 tầng, Phường Giếng Đáy, TP.Hạ Long, Quảng Ninh

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: **Nguyễn Văn Thụ**

Học hàm, học vị: Thạc sĩ

Cơ quan công tác: Trường Đại Học Dân Lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác kế toán tài sản cố định tại Công ty TNHH một thành viên Công nghiệp tàu thủy Cái Lân.

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 18 tháng 4 năm 2016

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 0 tháng 07 năm 2016

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Nguyễn Văn Thụ

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2016

Hiệu trưởng

GS.TS.NGƯT Trần Hữu Nghị

PHIẾU NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

- Chăm chỉ học hỏi, chịu khó sưu tầm số liệu, tài liệu phục vụ cho bài viết;
- Nghiêm túc, có ý thức tốt trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp;
- Chủ động nghiên cứu, luôn thực hiện tốt mọi yêu cầu được giáo viên hướng dẫn giao cho.

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T.T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

Bài viết của sinh viên *Trần Thị Thắm* đã đáp ứng được yêu cầu của một khóa luận tốt nghiệp. Kết cấu của khóa luận được tác giả sắp xếp khoa học, hợp lý được chia làm 3 chương:

Chương 1: Những vấn đề lý luận cơ bản về công tác kế toán tài sản cố định. Trong chương này tác giả đã hệ thống hóa một cách chi tiết và đầy đủ các vấn đề lý luận cơ bản về công tác kế toán tài sản cố định theo quy định hiện hành.

Chương 2: Thực trạng công tác kế toán tài sản cố định tại Công ty TNHH một thành viên công nghiệp tàu thủy Cái Lân. Trong chương này tác giả đã giới thiệu được những nét cơ bản về Công ty như: lịch sử hình thành và phát triển, đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh, mô hình tổ chức bộ máy quản lý, bộ máy kế toán... Đồng thời tác giả cũng đã trình bày được khá chi tiết và cụ thể thực trạng công tác kế toán tài sản cố định tại Công ty. Bài viết có số liệu minh họa cụ thể (Năm 2015). Số liệu minh họa trong bài viết chi tiết, phong phú và có tính logic cao.

Chương 3: Một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán tài sản cố định tại Công ty TNHH một thành viên công nghiệp tàu thủy Cái Lân. Trong chương này tác giả đã đánh giá được những ưu điểm, nhược điểm của công tác kế toán tài sản cố định tại Công ty, trên cơ sở đó tác giả đã đưa ra được các giải pháp hoàn thiện có tính khả thi và tương đối phù hợp với tình hình thực tế tại công ty.

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

Bảng số: Bảng chữ:

Hải Phòng, ngày 30 tháng 06 năm 2016

Cán bộ hướng dẫn

Ths. Nguyễn Văn Thu

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU	1
CHƯƠNG 1 LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH TRONG DOANH NGHIỆP	3
1.1 Những vấn đề chung về tài sản cố định trong doanh nghiệp.....	3
1.1.1 Sự cần thiết phải tổ chức kế toán tài sản cố định trong doanh nghiệp.....	3
1.1.2 Khái niệm, đặc điểm và tiêu chuẩn.....	3
1.1.2.1 Khái niệm và đặc điểm TSCĐ	3
1.1.2.2 Tiêu chuẩn ghi nhận tài sản cố định.....	4
1.1.3 Phân loại và đánh giá tài sản cố định	5
1.1.3.1 Phân loại tài sản cố định.....	5
1.1.3.2 Đánh giá tài sản cố định	7
1.1.4 Nguyên tắc quản lý và nhiệm vụ của kế toán tài sản cố định trong doanh nghiệp	13
1.1.4.1 Nguyên tắc quản lý.....	13
1.1.4.2 Nhiệm vụ của kế toán tài sản cố định	13
1.2 Nội dung tổ chức công tác kế toán tài sản cố định trong doanh nghiệp	14
1.2.1 Kế toán chi tiết tài sản cố định trong doanh nghiệp.....	14
1.2.2 Kế toán tổng hợp tăng , giảm tài sản cố định trong doanh nghiệp	15
1.2.2.1 Chứng từ sử dụng.....	15
1.2.2.2 Tài khoản sử dụng	15
1.2.2.3 Phương pháp hạch toán tài sản cố định.....	17
1.2.3 Kế toán khấu hao tài sản cố định	21
1.2.3.1 Xác định thời gian trích khấu hao của tài sản cố định	21
1.2.3.2 Các phương pháp trích khấu hao tài sản cố định	21
1.2.3.3 Chứng từ và tái sản sử dụng.....	25
1.2.3.4 Phương pháp hạch toán	26
1.2.4 Sửa chữa tài sản cố định.....	27
1.2.4.1 Sửa chữa thường xuyên tài sản cố định	27
1.2.4.2 Sửa chữa lớn tài sản cố định	27

1.3 Tổ chức vận dụng hệ thống sổ sách kế toán vào công tác kế toán tài sản cố định trong doanh nghiệp.....	29
CHƯƠNG 2 THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH TẠI CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CÔNG NGHIỆP TÀU THỦY CÁI LÂN	32
2.1 Khái quát chung về công ty TNHH MTV CNTT CÁI LÂN	32
2.1.1 Sự hình thành và phát triển của công ty TNHH MTV CNTT CÁI LÂN ..	32
2.1.2 chức năng, nhiệm vụ của công ty TNHH MTV CNTT CÁI LÂN	34
2.1.3 Tổ chức bộ máy quản lý tại công ty	34
2.1.4 Công tác kế toán tại công ty	36
2.1.4.1 Bộ máy kế toán.....	36
2.1.4.2 Các chính sách và phương pháp kế toán áp dụng tại công ty	37
2.2 thực trạng công tác kế toán tài sản cố định tại công ty	39
2.2.1 Phân loại và đánh giá tăng giảm tài sản cố định tại công ty	39
2.2.2 Kế toán TSCĐ tại công ty TNHH MTV CNTT Cái Lân.....	40
2.2.2.1 kế toán chi tiết tăng, giảm tài sản cố định.....	40
2.2.2.2 Kế toán tổng hợp	46
2.2.2.3 Kế toán khấu hao tài sản cố định	62
2.2.2.4 Kế toán sửa chữa tài sản cố định.....	69
CHƯƠNG 3 MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH TẠI CÔNG TY	78
3.1 Đánh giá chung về công tác kế toán tài sản cố định trong công ty.....	78
3.1.1 Ưu điểm.....	78
3.1.2 Hạn chế.....	79
3.2 Hoàn thiện công tác kế toán tài sản cố định tại công ty.....	81
3.2.1 Sự cần thiết phải hoàn thiện công tác kế toán tại công ty.....	81
3.2.2 Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán tài sản cố định tại công ty TNHH MTV CNTT Cái Lân.....	82
KẾT LUẬN	91

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

TSCĐ	Tài sản cố định
SXC	Sản xuất chung
GTGT	Giá trị gia tăng
XDCB	Xây dựng cơ bản
SXKD	Sản xuất kinh doanh
BTC	Bộ tài chính
SC	Sổ cái
MTV	Một thành viên
NVPS	Nhiệm vụ phát sinh
TK	Tài khoản
TM	Thương mại
PC	Phiếu chi
DN	Doanh nghiệp
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
BBTL	Biên bản thanh lý
PBKH	Phân bổ khấu hao
KH	Khấu hao
BBBG	Biên bản bàn giao
NH	Ngân hàng
NG	Nguyên giá

DANH MỤC SƠ ĐỒ BẢNG BIỂU

Sơ đồ 1.1: Sơ đồ hạch toán tăng giảm tài sản cố định

Sơ đồ 1.2: Sơ đồ hạch toán theo hình thức nhật ký chung

Sơ đồ 2.2: Bộ máy kế toán Công ty TNHH MTV CNTT Cái Lân

Sơ đồ 2.1: Bộ máy tổ chức quản lý của Công ty TNHH MTV CNTT Cái Lân

Sơ đồ 2.3: Sơ đồ hình thức kế toán áp dụng

Biểu số 2.2: Biên bản đánh giá lại TSCĐ**Biểu số 2.3: Biên bản thanh lý TSCĐ**

Biểu số 2.4. Thẻ tài sản cố định

Sơ đồ 2.4: Quy trình hạch toán tăng, giảm TSCĐ

Sơ đồ 2.5: Sổ chi tiết tài khoản 211

Biểu số 2.6: Đơn đề xuất mua TSCĐ

Biểu số 2.7: Quyết định duyệt mua TSCĐ

Biểu số 2.8: Hợp đồng kinh tế

Biểu số 2.9: BBBG kiêm phiếu bảo hành

Biểu số 2.10: Hóa đơn GTGT

Biểu số 2.11: Biên bản bàn giao TSCĐ

Biểu số 2.12 Thẻ TSCĐ

Biểu số 2.13: Trích lệnh chi

Biểu số 2.14: Hợp đồng kinh tế

Biểu số 2.15: Hóa đơn GTGT

Biểu số 2.16: Phiếu thu

Biểu số 2.17: Trích sổ nhật ký chung

Biểu số 2.18: Trích sổ cái TK 211

Biểu số 2.19: Bảng tính và phân bổ khấu hao

Biểu số 2.20: Trích sổ nhật ký chung

Biểu số 2.21: Trích sổ cái TK 214

Biểu số 2.22: Đơn đề nghị bảo dưỡng sửa chữa

Biểu số 2.23: Hóa đơn GTGT

Biểu số 2.24: Phiếu chi

Biểu số 2.25: Bảng tổng hợp CPSC thường xuyên

Biểu số 2.26: Trích nhật ký chung

Biểu số 2.26: Trích sổ cái TK 642

LỜI NÓI ĐẦU

Đất nước ta trong thời kỳ đổi mới, thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước, thời kỳ đòi hỏi chúng ta phải mang hết tinh thần, khả năng, trí tuệ cùng tài năng sẵn có để cống hiến cho sự nghiệp đổi mới để xây dựng đất nước.

Tài sản cố định (TSCĐ) là một trong những bộ phận cơ bản tạo nên cơ sở vật chất kỹ thuật cho nền kinh tế quốc dân, đồng thời là bộ phận quan trọng quyết định sự sống còn của doanh nghiệp trong quá trình sản xuất kinh doanh. Đối với doanh nghiệp, TSCĐ là điều kiện cần thiết để giảm hao phí sức lao động của con người, nâng cao năng suất lao động. Nó thể hiện cơ sở vật chất kỹ thuật, trình độ công nghệ, năng lực và thế mạnh của doanh nghiệp trong việc phát triển sản xuất kinh doanh. Trong nền kinh tế thị trường hiện nay thì TSCĐ là yếu tố quan trọng để tạo nên sức mạnh cạnh tranh cho các doanh nghiệp.

Đối với ngành sản xuất, kế toán TSCĐ là một khâu quan trọng trong bộ phận kế toán. Nó cung cấp toàn bộ nguồn số liệu đáng tin cậy về tình hình TSCĐ hiện có của công ty và tình hình tăng giảm TSCĐ.... Từ đó tăng cường biện pháp kiểm tra, quản lý chặt chẽ các TSCĐ của công ty. Chính vì vậy, tổ chức công tác kế toán TSCĐ luôn là sự quan tâm của các doanh nghiệp sản xuất, cũng như các nhà quản lý kinh tế của Nhà nước.

Trong thời gian thực tập tại Công ty TNHH một thành viên Công nghiệp tàu thủy Cái Lân, xuất phát từ ý nghĩa thực tiễn và cơ sở lý luận của công tác kế toán tài sản cố định, cùng với những kiến thức đã được các thầy, cô giáo trang bị cho em trong khoá học đặc biệt là sự hướng dẫn nhiệt tình của thầy giáo THS.Nguyễn Văn Thụ và CBCNV Phòng kế toán đã giúp em thấy rõ được vai trò của hạch toán tài sản cố định trong doanh nghiệp. Từ đó em đi sâu nghiên cứu tìm hiểu và mạnh dạn chọn đề tài: ***“Hoàn thiện công tác kế toán tài sản cố định tại Công ty TNHH một thành viên Công nghiệp tàu thủy Cái Lân”***

Nội dung của khóa luận gồm 3 chương chính:

Chương 1: Lý luận chung về công tác kế toán tài sản cố định trong doanh nghiệp

Chương 2: Thực trạng công tác kế toán tài sản cố định tại Công ty TNHH một thành viên Công nghiệp tàu thủy Cái Lân

Chương 3: Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán tài sản cố định tại Công ty TNHH một thành viên Công nghiệp tàu thủy Cái Lân

Trong quá trình thực tập tại công ty TNHH MTV CNTT Cái Lân mặc dù đã cố gắng hết sức, song do vốn hiểu biết còn hạn chế, thời gian tìm hiểu và học tập không dài, vì vậy khóa luận không tránh khỏi những thiếu sót. Kính mong nhận được sự góp ý của thầy cô và các bạn để bài viết của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

CHƯƠNG 1**LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH
TRONG DOANH NGHIỆP****1.1 Những vấn đề chung về kế toán tài sản cố định trong doanh nghiệp****1.1.1 Sự cần thiết phải tổ chức kế toán tài sản cố định trong doanh nghiệp**

Trong lịch sử phát triển nhân loại, các cuộc đại cách mạng công nghiệp đều tập trung vào giải quyết các vấn đề về cơ khí hóa, điện khí hóa, tự động hóa quá trình sản xuất, đổi mới, hoàn thiện TSCĐ. Nhìn từ góc độ vĩ mô ta thấy: yếu tố quyết định đến sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp đến nền kinh tế thị trường là uy tín chất lượng sản phẩm của mình đưa ra thị trường nhưng đó chỉ là biểu hiện bên ngoài còn thực chất bên trong là các máy móc, thiết bị công nghệ chế biến có đáp ứng được yêu cầu sản xuất của doanh nghiệp hay không? TSCĐ là điều kiện quan trọng để tăng năng suất lao động xã hội và phát triển nền kinh tế quốc dân. Nó thể hiện một cách chính xác nhất năng lực và trình độ cơ sở vật chất của mỗi doanh nghiệp. TSCĐ được đổi mới và sử dụng có hiệu quả sẽ là một trong những yếu tố quyết định đến sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp nói riêng và toàn bộ nền kinh tế nói chung.

1.1.2 Khái niệm, đặc điểm và tiêu chuẩn ghi nhận TSCĐ**1.1.2.1 Khái niệm và đặc điểm TSCĐ**

TSCĐ trong các doanh nghiệp là những tư liệu lao động chủ yếu và các tài sản khác có giá trị lớn, tham gia nhiều vào chu kỳ sản xuất kinh doanh và giá trị của nó được chuyển dịch dần dần, từng phần vào giá trị sản phẩm, dịch vụ được sản xuất ra trong các chu kỳ sản xuất.

TSCĐ là các tư liệu lao động chủ yếu như nhà xưởng, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải,... có hình thái cụ thể, đa dạng về kiểu dáng, phong phú về chủng loại, người ta có thể định dạng mô tả chúng, và còn có các tài sản không có hình thái hiện vật nhưng cũng tham gia vào nhiều chu kỳ SXKD như quyền sử dụng đất, phần mềm máy tính,... Tuy nhiên không phải mọi tư liệu lao động đều là TSCĐ mà chỉ có những tài sản thoả mãn các điều kiện của chuẩn mực kế

toán và chế độ tài chính kế toán của nhà nước quy định phù hợp trong từng thời kỳ. Tài sản cố định có những đặc điểm như sau:

- TSCĐ tham gia vào nhiều chu kỳ sản xuất kinh doanh mà không thay đổi hình thái vật chất ban đầu.

- Giá trị sử dụng và giá trị của TSCĐ bị giảm dần khi tham gia vào hoạt động sản xuất kinh doanh do sự hao mòn và giá trị hao mòn được chuyển dịch từng phần vào giá trị sản phẩm sản xuất ra. Bộ phận giá trị chuyển dịch này cấu thành một yếu tố chi phí sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp được bồi đắp mỗi khi sản phẩm được tiêu thụ.

- Đối với TSCĐ vô hình, khi tham gia vào quá trình sản xuất kinh doanh cũng bị hao mòn do tiến bộ khoa học kỹ thuật và do hạn chế về pháp luật. Giá trị của TSCĐ vô hình cũng được dịch chuyển dần từng phần vào chi phí sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

1.1.2.2 Tiêu chuẩn ghi nhận tài sản cố định

Theo thông tư 200/2014/TT-BTC về “*Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định*”:

(1) Tư liệu lao động là những tài sản hữu hình có kết cấu độc lập, hoặc là một hệ thống gồm nhiều bộ phận tài sản riêng lẻ liên kết với nhau để cùng thực hiện một hay một số chức năng nhất định mà nếu thiếu bất kỳ một bộ phận nào thì cả hệ thống không thể hoạt động được, nếu thỏa mãn đồng thời cả ba tiêu chuẩn dưới đây thì được coi là TSCĐ:

- + Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản đó.
- + Thời gian sử dụng ước tính trên 1 năm.
- + Nguyên giá tài sản phải được xác định một cách đáng tin cậy và có giá trị từ 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) trở nên.

Trường hợp một hệ thống gồm nhiều bộ phận tài sản riêng lẻ liên kết với nhau, trong đó mỗi bộ phận cấu thành có thời gian sử dụng khác nhau và nếu thiếu một bộ phận nào đó mà cả hệ thống vẫn thực hiện được chức năng hoạt động chính của nó nhưng do yêu cầu quản lý, sử dụng tài sản cố định đòi hỏi phải

quản lý riêng từng bộ phận tài sản thì mỗi bộ phận tài sản đó nếu cùng đồng thời thỏa mãn ba tiêu chuẩn của TSCĐ được coi là một TSCĐ hữu hình độc lập.

Đối với súc vật làm việc hoặc cho sản phẩm, thì con súc vật thỏa mãn đồng thời ba tiêu chuẩn của tài sản cố định được coi là một TSCĐ hữu hình.

Đối với vườn cây lâu năm thì từng mảnh vườn cây, hoặc thỏa mãn đồng thời ba tiêu chuẩn của TSCĐ được coi là một TSCĐ hữu hình.

(2) Tiêu chuẩn và nhận biết TSCĐ vô hình: Mọi khoản chi phí thực tế mà doanh nghiệp chi ra thỏa mãn đồng thời cả ba tiêu chuẩn về TSCĐ, mà không hình thành TSCĐ hữu hình thì được gọi là TSCĐ vô hình.

1.1.3 Phân loại và đánh giá tài sản cố định

1.1.3.1 Phân loại tài sản cố định

- ***Phân loại TSCĐ theo hình thái biểu hiện***

Theo cách phân loại này TSCĐ của doanh nghiệp bao gồm hai loại đó là:

- *TSCĐ hữu hình*: Là những tư liệu lao động chủ yếu có hình thái vật chất thỏa mãn các tiêu chuẩn của TSCĐ hữu hình.
- *TSCĐ vô hình*: Là những tài sản không có hình thái vật chất, thể hiện một lượng giá trị đã được đầu tư thỏa mãn các tiêu chuẩn của TSCĐ vô hình.

Với cách phân loại này giúp cho nhà quản lý có được cái nhìn tổng quát về cơ cấu đầu tư vào TSCĐ của doanh nghiệp. Đây là căn cứ quan trọng để xây dựng hoặc tự điều chỉnh phương hướng đầu tư cho phù hợp với thực tế. Đồng thời các nhà quản lý có thể căn cứ vào tiêu thức phân loại này để đưa ra biện pháp quản lý tài sản, quản lý vốn và tính khấu chính xác và hợp lý.

- ***Phân loại TSCĐ theo nguồn hình thành***

Theo cách phân loại này TSCĐ được phân loại thành:

- TSCĐ được mua sắm do nguồn vốn Nhà nước cấp.
- TSCĐ được mua sắm, xây dựng bằng nguồn vốn vay.
- TSCĐ được mua sắm, xây dựng bằng nguồn vốn tự bổ sung.
- TSCĐ nhận góp vốn, vốn liên doanh bằng hiện vật.

Qua cách phân loại này, ta biết được TSCĐ của doanh nghiệp được hình thành từ nguồn vốn nào để từ đó có kế hoạch đầu tư hợp lý trong việc mua sắm.

- ***Phân loại TSCĐ theo quyền sở hữu***

Theo phương pháp này TSCĐ được chia thành 02 loại, đó là:

- *TSCĐ tự có*: Là những TSCĐ được mua sắm và đầu tư bằng nguồn vốn tự có (ngân sách cấp, do đi vay của ngân hàng hoặc trích quỹ đầu tư phát triển của doanh nghiệp) để phục vụ cho SXKD của doanh nghiệp.
- *TSCĐ thuê ngoài*: Là những TSCĐ không thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp, hình thành do việc doanh nghiệp đi thuê sử dụng trong một thời gian nhất định theo hợp đồng thuê TSCĐ, TSCĐ thuê ngoài có 02 loại:
 - ✓ *TSCĐ thuê tài chính*: Là những TSCĐ mà doanh nghiệp thuê của công ty thuê tài chính, theo đó bên cho thuê có quyền chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên thuê, quyền sở hữu tài sản có thể chuyển giao vào cuối thời hạn thuê.
 - ✓ *TSCĐ thuê hoạt động*: Là những tài sản thuê không thỏa mãn các quy định về thuê tài chính đều được coi là TSCĐ thuê hoạt động. Doanh nghiệp đi thuê phải có trách nhiệm quản lý, sử dụng TSCĐ theo quy định trong hợp đồng thuê. Chi phí đi thuê được hạch toán vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ. Doanh nghiệp cho thuê với tư cách là chủ sở hữu phải theo dõi, quản lý tài sản cho thuê.

Với cách phân loại này giúp cho việc tổ chức và hạch toán TSCĐ được chặt chẽ, chính xác và sử dụng TSCĐ có hiệu quả nhất.

- ***Phân loại TSCĐ theo công dụng kinh tế***

Theo tiêu thức phân loại này, tài sản cố định được chia thành 2 loại:

- TSCĐ dùng trong SXKD là những TSCĐ trực tiếp hoặc gián tiếp tham gia vào quá trình SXKD của doanh nghiệp. Bao gồm: nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc thiết bị sản xuất, thiết bị truyền dẫn, phương tiện vận tải,... và những TSCĐ không có hình thái vật chất khác.
- TSCĐ dùng ngoài SXKD: Là những TSCĐ dùng cho hoạt động SXKD phụ trợ cho doanh nghiệp, những tài sản dùng cho phúc lợi công cộng, không mang tính chất SXKD. Bao gồm: nhà cửa, phương tiện dùng cho sinh hoạt văn hóa, thể dục thể thao, nhà ở và các công trình phúc lợi,...

Cách phân loại này giúp cho người quản lý thấy rõ kết cấu TSCĐ và vai trò, tác dụng của TSCĐ trong quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, tạo các điều kiện thuận lợi cho việc quản lý, sử dụng TSCĐ và tính toán khấu hao chính xác.

1.1.3.2 Đánh giá giá trị tài sản cố định

Việc đánh giá TSCĐ trong doanh nghiệp là vô cùng quan trọng vì nó là cơ sở để hạch toán TSCĐ, tính và phân bổ khấu hao một cách chính xác. Đánh giá TSCĐ là việc xác định giá trị ghi sổ của TSCĐ. TSCĐ được đánh giá theo các chỉ tiêu: nguyên giá, giá trị hao mòn và giá trị còn lại của TSCĐ.

a) Nguyên giá:

Nguyên giá của TSCĐ là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản đó và đưa TSCĐ đó vào tư thế sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá TSCĐ được xác định theo nguyên tắc giá phí, nghĩa là nguyên giá TSCĐ bao gồm toàn bộ chi phí liên quan đến việc mua hoặc xây dựng, chế tạo TSCĐ kể cả chi phí vận chuyển, lắp đặt chạy thử và các chi phí hợp lý cần thiết khác trước khi sử dụng tài sản.

Nguyên giá TSCĐ được xác định cho từng đối tượng ghi TSCĐ là từng đơn vị tài sản có kết cấu độc lập hoặc là một hệ thống gồm nhiều bộ phận tài sản liên kết với nhau để thực hiện một số chức năng nhất định.

❖ Với TSCĐ hữu hình:

- Nguyên giá TSCĐ do mua sắm:

Nguyên giá TSCĐ hữu hình mua sắm gồm: Giá mua thực tế phải trả cộng (+) các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) cộng (+) các chi phí liên quan trực tiếp phải chi ra tính đến thời điểm đưa tài sản cố định vào trạng thái sẵn sàng sử dụng như: lãi tiền vay phát sinh trong quá trình đầu tư mua sắm tài sản cố định; chi phí vận chuyển, bốc dỡ; chi phí nâng cấp; chi phí lắp đặt, chạy thử; lệ phí trước bạ và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

Nguyên giá TSCĐ hữu hình mua trả chậm, trả góp gồm: Giá mua trả tiền ngay tại thời điểm mua cộng (+) các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) cộng (+) các chi phí liên quan trực tiếp phải chi ra tính đến thời

điểm đưa TSCĐ vào trạng thái sẵn sàng sử dụng như: chi phí vận chuyển, bốc dỡ; chi phí nâng cấp; chi phí lắp đặt, chạy thử; lệ phí trước bạ (nếu có).

Khoản chênh lệch giữa giá mua trả chậm và giá mua trả tiền ngay được hạch toán vào chi phí sản xuất, kinh doanh theo kỳ hạn thanh toán. Lãi trả chậm, trả góp không được tính vào nguyên giá của TSCĐ.

Ngoài ra, mua TSCĐ hữu hình là nhà cửa, vật kiến trúc gắn liền với quyền sử dụng đất thì giá trị quyền sử dụng đất phải xác định riêng và ghi nhận là TSCĐ vô hình nếu đáp ứng đủ tiêu chuẩn theo quy định, còn TSCĐ vô hình là nhà cửa, vật kiến trúc thì nguyên giá là giá mua thực tế phải trả cộng (+) các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa TSCĐ hữu hình vào sử dụng.

- TSCĐ hữu hình mua theo hình thức trao đổi:

Nguyên giá TSCĐ mua theo hình thức trao đổi với một TSCĐ hữu hình không tương tự hoặc tài sản khác là giá trị hợp lý của TSCĐ hữu hình nhận về, hoặc giá trị hợp lý của TSCĐ đem trao đổi (sau khi cộng thêm các khoản phải trả thêm hoặc trừ đi các khoản phải thu về) cộng (+) các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại), các chi phí liên quan trực tiếp phải chi ra đến thời điểm đưa TSCĐ vào trạng thái sẵn sàng sử dụng, như: chi phí vận chuyển, bốc dỡ; chi phí nâng cấp; chi phí lắp đặt, chạy thử; lệ phí trước bạ (nếu có).

Nguyên giá TSCĐ hữu hình mua theo hình thức trao đổi với một TSCĐ hữu hình tương tự, hoặc có thể hình thành do được bán để đổi lấy quyền sở hữu một tài sản tương tự là giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình đem trao đổi.

- TSCĐ hữu hình tự xây dựng: Nguyên giá TSCĐ hữu hình tự xây dựng là giá trị quyết toán công trình khi đưa vào sử dụng. Trường hợp TSCĐ đã đưa vào sử dụng nhưng chưa quyết toán thì nguyên giá TSCĐ ghi theo giá tạm tính và điều chỉnh sau khi quyết toán công trình.

- TSCĐ hữu hình tự sản xuất: Nguyên giá TSCĐ hữu hình tự sản xuất là giá thành thực tế sản xuất TSCĐ và các chi phí phát sinh có liên quan đến việc đưa TSCĐ vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

- TSCĐ do bộ phận xây dựng cơ bản bàn giao:

Nguyên giá TSCĐ do đầu tư xây dựng cơ bản hình thành theo phương thức giao thầu là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy định tại Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành cộng (+) lệ phí trước bạ, các chi phí liên quan trực tiếp khác. Trường hợp TSCĐ do đầu tư xây dựng đã đưa vào sử dụng nhưng chưa thực hiện quyết toán thì doanh nghiệp hạch toán nguyên giá theo giá tạm tính và điều chỉnh sau khi quyết toán công trình hoàn thành.

Đối với tài sản cố định là con súc vật làm việc hoặc cho sản phẩm, vườn cây lâu năm thì nguyên giá là toàn bộ các chi phí thực tế đã chi ra cho con súc vật, vườn cây đó từ lúc hình thành tính đến thời điểm đưa vào khai thác, sử dụng.

- TSCĐ được cho, tặng, thưởng, biếu, tài trợ, do phát hiện thừa: Nguyên giá là giá trị theo đánh giá thực tế của Hội đồng giao nhận hoặc tổ chức định giá chuyên nghiệp và các phí tổn mới trước khi dùng (nếu có).

- TSCĐ được cấp, được điều chuyển đến: Nguyên giá TSCĐ hữu hình được cấp, được điều chuyển đến bao gồm giá trị còn lại của TSCĐ trên sổ kế toán ở đơn vị cấp, đơn vị điều chuyển hoặc giá trị theo đánh giá thực tế của tổ chức định giá chuyên nghiệp theo quy định của pháp luật, cộng (+) các chi phí liên quan trực tiếp mà bên nhận tài sản phải chi ra tính đến thời điểm đưa TSCĐ vào trạng thái sẵn sàng sử dụng như chi phí thuê tổ chức định giá; chi phí nâng cấp, lắp đặt, chạy thử...

- TSCĐ nhận góp vốn, nhận lại vốn góp: Nguyên giá là giá trị do các thành viên, cổ đông sáng lập định giá nhất trí, hoặc Doanh nghiệp và người góp vốn thỏa thuận, hoặc do tổ chức chuyên định giá và được các thành viên, cổ đông sáng lập chấp nhận.

❖ TSCĐ vô hình:

- TSCĐ vô hình mua sắm: Nguyên giá TSCĐ vô hình mua sắm là giá mua thực tế phải trả cộng các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp phải chi ra tính đến thời điểm đưa tài sản vào sử dụng. Trường hợp mua nhà cửa, vật kiến trúc gắn liền với quyền sử dụng đất thì giá trị quyền sử dụng đất phải được xác định riêng và ghi nhận là

TSCĐ vô hình; còn nguyên giá nhà cửa, vật kiến trúc thì ghi nhận là TSCĐ hữu hình.

- Trường hợp TSCĐ vô hình mua sắm được thanh toán theo phương thức trả chậm, trả góp: Nguyên giá của TSCĐ vô hình được phản ánh theo giá mua trả ngay tại thời điểm mua (không bao gồm lãi trả chậm). Khoản chênh lệch giữa tổng số tiền phải thanh toán và giá mua trả ngay được hạch toán vào chi phí sản xuất, kinh doanh theo kỳ hạn thanh toán, trừ khi số chênh lệch đó được tính vào nguyên giá TSCĐ vô hình (được vốn hóa) theo quy định của chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

- TSCĐ vô hình mua dưới hình thức trao đổi:

Nguyên giá TSCĐ vô hình mua theo hình thức trao đổi với một TSCĐ vô hình không tương tự hoặc tài sản khác là giá trị hợp lý của TSCĐ vô hình nhận về, hoặc giá trị hợp lý của tài sản đem trao đổi (sau khi cộng thêm các khoản phải trả thêm hoặc trừ đi các khoản phải thu về) cộng (+) các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại), các chi phí liên quan trực tiếp phải chi ra tính đến thời điểm đưa tài sản vào sử dụng theo dự tính.

Nguyên giá TSCĐ vô hình mua dưới hình thức trao đổi với một TSCĐ vô hình tương tự, hoặc có thể hình thành do được bán để đổi lấy quyền sở hữu một tài sản tương tự là giá trị còn lại của TSCĐ vô hình đem trao đổi.

- TSCĐ vô hình được cấp, biếu, tặng, hoặc điều chuyển đến:

Nguyên giá TSCĐ vô hình được cấp, được biếu, được tặng là giá trị hợp lý ban đầu cộng các chi phí liên quan trực tiếp phải chi ra tính đến việc đưa tài sản vào sử dụng. Nguyên giá TSCĐ được điều chuyển đến là nguyên giá ghi trên sổ sách kế toán của doanh nghiệp có tài sản điều chuyển. Doanh nghiệp tiếp nhận tài sản điều chuyển có trách nhiệm hạch toán nguyên giá, giá trị hao mòn, giá trị còn lại của tài sản theo quy định.

- TSCĐ vô hình được tạo ra từ nội bộ DN:

Nguyên giá TSCĐ vô hình được tạo ra từ nội bộ DN là toàn bộ chi phí phát sinh từ thời điểm mà tài sản vô hình đáp ứng được định nghĩa và tiêu chuẩn ghi nhận TSCĐ vô hình đến khi TSCĐ vô hình được đưa vào sử dụng.

Nguyên giá TSCĐ vô hình được tạo ra từ nội bộ DN là các chi phí liên quan trực tiếp đến khâu xây dựng, sản xuất thử nghiệm phải chi ra tính đến thời điểm đưa TSCĐ đó vào sử dụng theo dự tính.

Riêng các chi phí phát sinh trong nội bộ để doanh nghiệp có nhãn hiệu hàng hoá, quyền phát hành, danh sách khách hàng, chi phí phát sinh trong giai đoạn nghiên cứu và các khoản mục tương tự không đáp ứng được tiêu chuẩn và nhận biết TSCĐ vô hình được hạch toán vào chi phí kinh doanh trong kỳ.

- TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất:

Trường hợp doanh nghiệp được giao đất có thu tiền sử dụng đất: nguyên giá TSCĐ là quyền sử dụng đất được giao được xác định là toàn bộ khoản tiền chi ra để có quyền sử dụng đất hợp pháp cộng các chi phí cho đền bù giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ hoặc là giá trị quyền sử dụng đất nhận góp vốn. Trường hợp doanh nghiệp thuê đất thì tiền thuê đất được tính vào chi phí kinh doanh, không ghi nhận là TSCĐ vô hình. Cụ thể:

+Nếu doanh nghiệp thuê đất trả tiền thuê một lần cho cả thời gian thuê thì được phân bổ dần vào chi phí kinh doanh theo số năm thuê đất.

+Nếu doanh nghiệp thuê đất trả tiền thuê hàng năm thì hạch toán vào chi phí kinh doanh trong kỳ tương ứng số tiền thuê đất trả hàng năm.

- TSCĐ vô hình là quyền tác giả, quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng theo quy định của Luật sở hữu trí tuệ: Nguyên giá là toàn bộ các chi phí thực tế mà doanh nghiệp đã chi ra để có được quyền tác giả, quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ.

- TSCĐ vô hình là nhãn hiệu hàng hóa: Nguyên giá là các chi phí thực tế trực tiếp liên quan tới việc mua nhãn hiệu hàng hoá.

- TSCĐ là các chương trình phần mềm: Nguyên giá được xác định là toàn bộ các chi phí thực tế mà doanh nghiệp đã bỏ ra để có các chương trình phần mềm trong trường hợp chương trình phần mềm là một bộ phận có thể tách rời với phần cứng có liên quan, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ.

❖ Với TSCĐ thuê tài chính:

Nguyên giá TSCĐ thuê tài chính phản ánh ở đơn vị thuê là giá trị của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản cộng (+) với các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính.

b) Giá trị hao mòn:

Trong quá trình sử dụng, TSCĐ bị hao mòn dần về giá trị và giá trị sử dụng. Giá trị hao mòn này được dịch chuyển vào chi phí sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp dưới hình thức khấu hao nhằm mục đích thu hồi lại vốn đầu tư trong một thời gian nhất định để tái sản xuất. TSCĐ bị hao mòn dưới hai hình thức:

- Hao mòn hữu hình: Là sự giảm sút về giá trị và giá trị sử dụng của TSCĐ do tham gia vào sản xuất kinh doanh và do các nguyên nhân tự nhiên.

- Hao mòn vô hình: Là sự giảm sút thuần túy về giá trị của TSCĐ do nguyên nhân tiên bộ khoa học kỹ thuật gây ra.

c) Giá trị còn lại:

Trong quá trình sử dụng TSCĐ, giá trị của nó bị hao mòn dần và được tính vào chi phí SXKD trong kỳ, do đó giá trị của TSCĐ sẽ bị giảm dần. Vì vậy, yêu cầu quản lý và sử dụng đặt ra là cần xác định giá trị còn lại của TSCĐ để từ đó đánh giá được năng lực sản xuất thực của TSCĐ trong doanh nghiệp.

$$\text{Giá trị còn lại} = \text{Nguyên giá TSCĐ} - \text{Hao mòn lũy kế}$$

Trường hợp nguyên giá TSCĐ được đánh giá lại thì giá trị còn lại của TSCĐ cũng được xác định lại. Thông thường giá trị còn lại của TSCĐ sau khi đánh giá lại được điều chỉnh theo công thức:

$$\text{Giá trị còn lại của TSCĐ sau khi đánh giá lại} = \text{Giá trị còn lại TSCĐ trước khi đánh giá lại} \times \frac{\text{NG TSCĐ sau khi đánh giá lại}}{\text{NG TSCĐ trước khi đánh giá lại}}$$

Đánh giá TSCĐ theo giá trị còn lại giúp doanh nghiệp xác định được số vốn chưa thu hồi của TSCĐ, biết được hiện trạng của TSCĐ là cũ hay mới để có phương hướng đầu tư và có biện pháp để bảo toàn được vốn cố định.

1.1.4 Nguyên tắc quản lý và nhiệm vụ của kế toán tài sản cố định trong doanh nghiệp

1.1.4.1 Nguyên tắc quản lý TSCĐ trong doanh nghiệp

Những nguyên tắc quản lý TSCĐ trong doanh nghiệp theo Điều 5 Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ tài chính:

(1) Mọi TSCĐ trong doanh nghiệp phải có bộ hồ sơ riêng. Mỗi TSCĐ phải được phân loại, đánh số và có thẻ riêng, được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng ghi TSCĐ và được phản ánh trong sổ theo dõi TSCĐ.

(2) Mỗi TSCĐ phải được quản lý theo nguyên giá, số hao mòn lũy kế và giá trị còn lại trên sổ sách kế toán:

$$\begin{array}{rcccl} \text{Giá trị còn lại trên sổ} & & \text{Nguyên giá của} & & \text{Số hao mòn lũy} \\ \text{kế toán của TSCĐ} & = & \text{TSCĐ} & - & \text{kế của TSCĐ} \end{array}$$

(3) Đối với những TSCĐ không cần dùng, chờ thanh lý nhưng chưa hết khấu hao, doanh nghiệp phải thực hiện quản lý, theo dõi, bảo quản theo quy định hiện hành và trích khấu hao theo quy định tại Thông tư 200.

(4) Doanh nghiệp phải thực hiện việc quản lý đối với những TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn tham gia vào HĐKD như những TSCĐ thông thường.

1.1.4.2 Nhiệm vụ của kế toán tài sản cố định

Kế toán TSCĐ với tư cách là một công cụ của quản lý kinh tế tài chính phải phát huy chức năng của mình để thực hiện tốt các nhiệm vụ sau đây:

- Tổ chức ghi chép, phản ánh, tổng hợp số liệu một cách chính xác, đầy đủ, kịp thời về số lượng, hiện trạng và giá trị TSCĐ hiện có, tình hình tăng giảm và di chuyển TSCĐ của toàn doanh nghiệp cũng như ở từng bộ phận khác nhau, nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng TSCĐ.

- Phản ánh kịp thời giá trị hao mòn TSCĐ trong quá trình sử dụng, tính toán, phân bổ, kết chuyển chính xác số khấu hao vào chi phí SXKD trong kỳ.

- Tham gia lập kế hoạch sửa chữa và dự toán chi phí sửa chữa TSCĐ, phản ánh chính xác chi phí thực tế và sửa chữa TSCĐ, kiểm tra việc thực hiện kế hoạch và chi phí sửa chữa TSCĐ.

- Tham gia kiểm kê, kiểm tra định kỳ hay bất thường TSCĐ tham gia đánh giá lại TSCĐ khi cần thiết, tổ chức phân tích tình hình bảo quản và sử dụng TSCĐ ở doanh nghiệp.

1.2 Nội dung tổ chức công tác kế toán tài sản cố định trong doanh nghiệp

1.2.1 Kế toán chi tiết tài sản cố định trong doanh nghiệp

Kế toán chi tiết TSCĐ được thực hiện cho từng TSCĐ, từng nhóm TSCĐ theo nơi sử dụng TSCĐ. Yêu cầu quản lý TSCĐ của doanh nghiệp đòi hỏi phải có kế toán chi tiết TSCĐ. Đây là khâu quan trọng và phức tạp nhất trong toàn bộ công tác kế toán TSCĐ. Thông qua kế toán chi tiết TSCĐ, kế toán sẽ cung cấp những chỉ tiêu quan trọng về cơ cấu TSCĐ, tình hình phân bổ tài sản cố định theo địa điểm sử dụng cũng như tình hình bảo quản và sử dụng TSCĐ. Phân bổ chính xác TSCĐ, nâng cao trách nhiệm vật chất trong bảo quản và sử dụng TSCĐ. Nội dung chính của kế toán chi tiết TSCĐ bao gồm:

- Lập và thu thập các chứng từ ban đầu liên quan đến TSCĐ trong doanh nghiệp: Hóa đơn GTGT, Biên bản giao nhận TSCĐ, Biên bản thanh lý TSCĐ, Biên bản đánh giá lại TSCĐ,...
- Tổ chức kế toán chi tiết TSCĐ ở bộ phận kế toán: Kế toán chi tiết TSCĐ được thực hiện ở thẻ TSCĐ (Mẫu số S23-DN). Thẻ TSCĐ do phòng kế toán lập khi TSCĐ bắt đầu xuất hiện tại doanh nghiệp. Thẻ được lập cho từng loại TSCĐ và được lưu ở phòng kế toán. Căn cứ lập thẻ TSCĐ gồm: bộ hồ sơ TSCĐ, biên bản giao nhận TSCĐ, biên bản đánh giá lại TSCĐ, biên bản thanh lý TSCĐ,...
- Tổ chức kế toán chi tiết TSCĐ ở các đơn vị, bộ phận quản lý sử dụng: Để theo dõi địa điểm đặt TSCĐ, tình hình tăng giảm TSCĐ do từng đơn vị, bộ phận phân xưởng hoặc phòng ban mỗi đơn vị sử dụng phải mở một sổ riêng – Sổ TSCĐ trong đó ghi TSCĐ tăng, giảm của đơn vị mình theo từng chứng từ, tăng, giảm TSCĐ theo trình tự thời gian phát sinh ngược. Căn cứ để ghi sổ là các chứng từ tăng, giảm TSCĐ.

1.2.2 Kế toán tổng hợp tăng, giảm tài sản cố định trong doanh nghiệp

1.2.2.1 Chứng từ sử dụng

Những chứng từ mà doanh nghiệp sử dụng trong hạch toán TSCĐ gồm:

- Biên bản giao nhận TSCĐ (Mẫu 01-TSCĐ)
- Biên bản thanh lý TSCĐ (Mẫu 02-TSCĐ)
- Biên bản đánh giá lại TSCĐ (Mẫu 04-TSCĐ)
- Các chứng từ liên quan khác:
- + Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ (Mẫu 06-TSCĐ)
- + Các hợp đồng, hóa đơn mua- bán, các chứng từ, tài liệu kỹ thuật có liên quan khác, các hồ sơ đầu tư TSCĐ (nếu có)...

1.2.2.2 Tài khoản sử dụng

a) Tài khoản 211: “TSCĐ hữu hình”

Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị hiện có và tình hình biến động tăng, giảm toàn bộ TSCĐ của doanh nghiệp theo nguyên giá,

- *Kết cấu của TK 211*

Bên Nợ:

- Nguyên giá của TSCĐ hữu hình tăng do XDCB hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng, do mua sắm, do nhận vốn góp liên doanh, do được cấp, được biếu tặng,...
- Điều chỉnh tăng nguyên giá của TSCĐ do xây lắp, trang bị thêm hoặc do cải tạo nâng cấp,...
- Điều chỉnh tăng nguyên giá TSCĐ do đánh giá lại.

Bên có:

- Nguyên giá của TSCĐ hữu hình giảm do điều chuyển cho đơn vị khác, do nhượng bán, thanh lý,...
- Nguyên giá TSCĐ giảm do tháo bớt một hoặc một số bộ phận;
- Điều chỉnh giảm nguyên giá TSCĐ do đánh giá lại.

Số dư bên Nợ: Nguyên giá TSCĐ hữu hình hiện có ở doanh nghiệp.

- *TK 211 chi tiết thành 6 tiểu khoản:*

- TK 2111: Nhà cửa, vật kiến trúc

- TK 2112: Máy móc, thiết bị
- TK 2113: Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn
- TK 2114: Thiết bị dụng cụ quản lý
- TK 2115: Vườn cây lâu năm, súc vật làm việc
- TK 2118: TSCĐ khác

b) Tài khoản 212: “TSCĐ thuê tài chính”

Tài khoản dùng để phản ánh giá trị hiện có và tình hình biến động tăng, giảm của toàn bộ TSCĐ thuê tài chính của doanh nghiệp.

Không phản ánh vào tài khoản này giá trị của TSCĐ thuê hoạt động.

Tài khoản 212 được mở chi tiết để theo dõi từng loại, từng TSCĐ thuê.

*** Kết cấu của TK 212:**

Bên Nợ: Nguyên giá của TSCĐ thuê tài chính tăng.

Bên Có: Nguyên giá của TSCĐ thuê tài chính giảm do điều chuyển trả lại cho bên cho thuê khi hết hạn hợp đồng hoặc mua lại thành TSCĐ của doanh nghiệp.

Số dư bên Nợ: Nguyên giá của TSCĐ thuê tài chính hiện có.

c) Tài khoản 213: “TSCĐ vô hình”

Bên Nợ: Nguyên giá TSCĐ vô hình tăng.

Bên Có: Nguyên giá TSCĐ vô hình giảm.

Số dư bên Nợ: Nguyên giá TSCĐ vô hình hiện có ở doanh nghiệp.

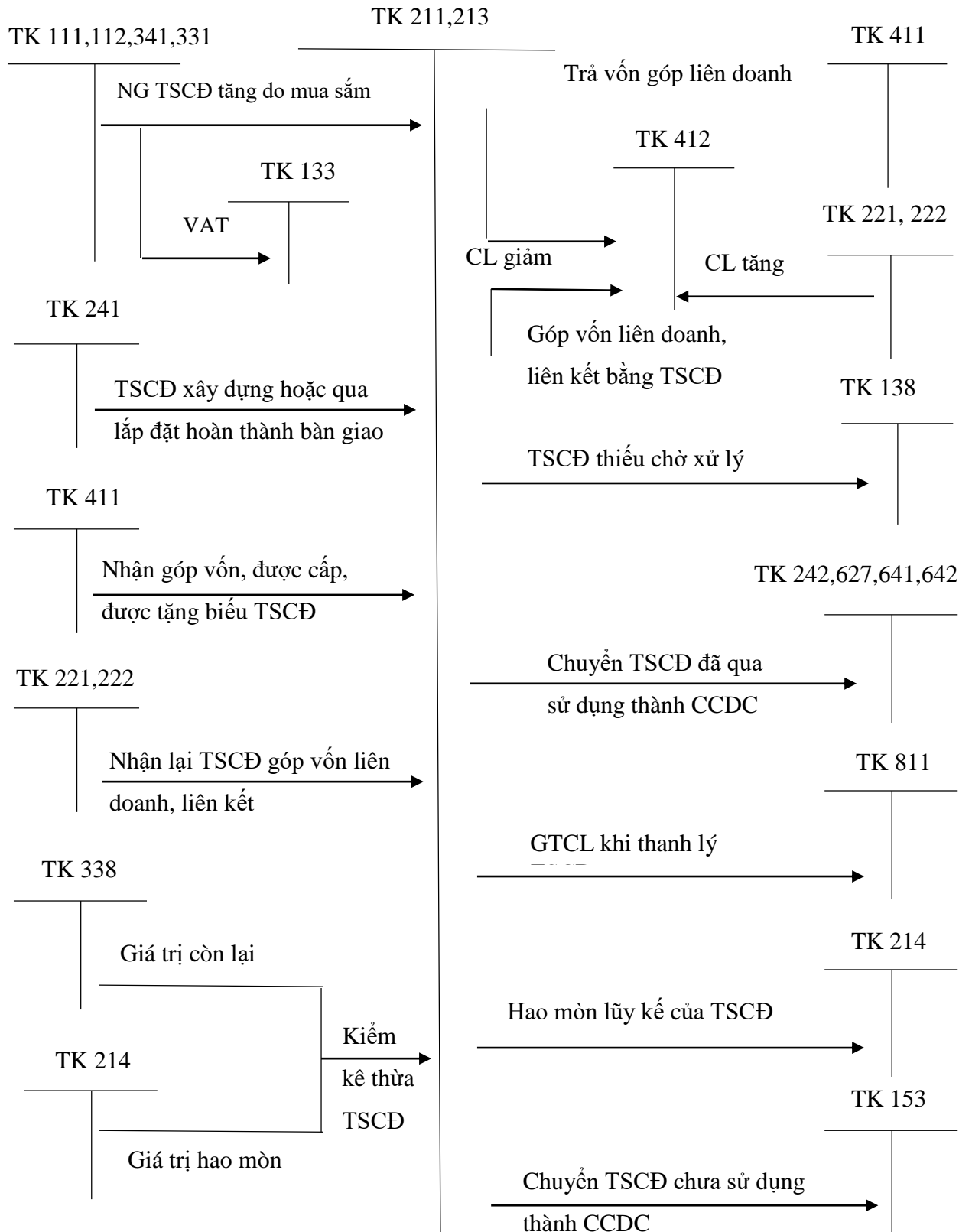
*** TK chi tiết thành 7 tiểu khoản sau:**

- TK 2131: Quyền sử dụng đất.
- TK 2132: Quyền phát sinh.
- TK 2133: Bản quyền, bằng sáng chế.
- TK 2134: Nhãn hiệu hàng hóa.
- TK 2135: Phần mềm máy vi tính.
- TK 2136: Giấy phép và giấy phép chuyên nhượng.
- TK 2138: TSCĐ vô hình khác.

1.2.2.3 Phương pháp hạch toán tài sản cố định

a. Phương pháp hạch toán tăng, giảm TSCĐ hữu hình, vô hình được khái quát qua sơ đồ sau:

Sơ đồ 1.1: Sơ đồ hạch toán tăng giảm tài sản cố định



b. Hạch toán TSCĐ đi thuê và cho thuê:

Thuê TSCĐ được thực hiện dưới hình thức thuê hoạt động hay thuê tài chính, điều này còn phụ thuộc vào nhu cầu sử dụng TSCĐ trong doanh nghiệp.

❖ Hạch toán TSCĐ thuê hoạt động:

- Tại đơn vị đi thuê hoạt động:

- Đơn vị có trách nhiệm quản lý và sử dụng TSCĐ theo các quy định trong hợp đồng thuê, doanh nghiệp không tính khấu hao đối với các TSCĐ đi thuê này, chi phí thuê TSCĐ được hạch toán vào chi phí kinh doanh trong kỳ.

- Căn cứ vào hợp đồng thuê TSCĐ và các chi phí khác có liên quan đến việc thuê ngoài (vận chuyển, bốc dỡ,...) kế toán ghi:

Nợ TK 627,641,642 : Tiền thuê và các chi phí khác có liên quan

Nợ TK 133 : Thuế GTGT được khấu trừ.

Có TK 331 : Số tiền thuê phải trả.

Có TK 111,112 : Các chi phí khác.

- Tại đơn vị cho thuê:

- TSCĐ thuê hoạt động vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp nên hàng tháng vẫn phải tính khấu hao.

- Các chi phí liên quan đến việc cho thuê như khấu hao TSCĐ, chi phí môi giới, giao dịch, ... kế toán phản ánh như sau:

Nợ TK 811 : tập hợp chi phí cho thuê

Có TK 214 : Khấu hao TSCĐ cho thuê

Có TK 111,112,331: Các chi phí khác

- Các khoản thu về cho thuê, kế toán ghi:

Nợ TK 111,112 : Tổng số thu

Có TK 711: Số tiền cho thuê

Có TK 3331: Thuế GTGT phải nộp

❖ Hạch toán TSCĐ thuê tài chính:

- Tại đơn vị đi thuê: Đối với đơn vị đi thuê tài chính TSCĐ về dùng vào hoạt động sản xuất kinh doanh thì khi nhận TSCĐ thuê tài chính kế toán

căn cứ vào hoạt động thuê tài chính và chứng từ có liên quan để phản ánh các tài khoản kế toán sau:

NV1: Khi nhận TSCĐ từ bên cho thuê

Nợ TK 212: Nguyên giá TSCĐ thuê tài chính

CóTK 341: Số nợ gốc còn phải trả

NV2: Khi nhận được hóa đơn về thuê TSCĐ từ bên cho thuê

- Bút toán1: Thanh toán nợ thuê gốc của kỳ này

Nợ TK 341: Nợ gốc chưa thuế GTGT

CóTK 111, 112:Thanh toán nợ gốc kỳ này bằngtiền

- Bút toán 2: Thanh toán lãi thuê của kỳ này

Nợ TK 635: Chi phí tài chính

Có TK 111, 112:Nếu trả ngay lãi bằng tiền

Có TK 338: Nếu chưa trả lãi kỳ này

- Bút toán 3: Phản ánh thuế GTGT đầu vào được khấu trừ

Nợ TK 133: Nếu nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ

Nợ TK 627, 641, 642: Nếu nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp

Có TK 111, 112

NV3: Trích khấu hao TSCĐ thuê tài chính

Nợ TK 627:Chi phí SXC

Nợ TK 641:Chi phí bán hàng

Nợ TK 642:Chi phí QLDN

Có TK 2142: Hao mòn TSCĐ thuê tài chính

NV4: Khi hết hạn hợp đồng thuê

- Nếu trả lại TSCĐ cho bên thuê:

Nợ TK 341

Có TK 212: Nguyên giá TSCĐ đi thuê

- Nếu bên đi thuê được quyền sở hữu hoàn toàn:

+ Bút toán1: Ghi tăng TSCĐ hữu hình và giảm TSCĐ thuê tài chính

Nợ TK 211

Có TK 212

+ Bút toán 2: Kết chuyển giá trị hao mòn

Nợ TK 2142: Hao mòn TSCĐ thuê tài chính

Có TK 2141: Hao mòn TSCĐ hữu hình

- Nếu bên đi thuê được mua lại:

Ngoài hai bút toán phản ánh nguyên giá và giá trị hao mòn giống như khi được giao quyền sở hữu hoàn toàn, kế toán còn phải phản ánh số tiền phải trả về mua lại hay chuyển quyền sở hữu.

Nợ TK 211,213: Giá trị trả thêm

Nợ TK 133 (1332): Thuế GTGT

Có TK 111,112,331

- Tại đơn vị cho thuê:

Về thực chất TSCĐ cho thuê vẫn thuộc quyền sở hữu của bên cho thuê, bởi vậy kế toán phải mở sổ chi tiết theo dõi cả về hiện vật và giá trị của TSCĐ cho thuê. Theo chế độ quy định, bên cho thuê tài chính là đối tượng không chịu thuế VAT đối với dịch vụ cho thuê tài chính. Số thuế VAT đầu vào khi mua TSCĐ đã nộp sẽ được bên đi thuê trả dần trong thời gian cho thuê theo nguyên tắc phân bổ đều cho thời gian thuê.

- Khi giao TSCĐ cho bên đi thuê:

Nợ TK 228: Giá trị TSCĐ cho thuê

Nợ TK 214: Giá trị hao mòn

Có TK 211,213: Nguyên giá TSCĐ cho thuê

Có TK 241: Chuyển giá trị XDCCB hoàn thành sang cho thuê.

- Nếu chuyển quyền sở hữu hoặc bán cho bên đi thuê trước khi hết hạn hoặc khi hết hạn cho thuê:

(1) Phản ánh số thu về chuyển nhượng tài sản

Nợ TK 111,112,131,...

Có TK 711

(2) Phản ánh số vốn đầu tư còn lại chưa thu hồi

Nợ TK 811

Có TK 228

- Nếu nhận lại TSCĐ khi hết hạn cho thuê, căn cứ giá trị được đánh giá lại:
Nợ TK 211,213: Giá trị đánh giá lại hoặc GTCL
Nợ TK 811 (hoặc Có TK 711): Phần chênh lệch giữa GTCL chưa thu hồi với giá trị được đánh giá lại.

Có TK 228: GTCL chưa thu hồi.

1.2.3 Kế toán khấu hao tài sản cố định

1.2.3.1 Xác định thời gian trích khấu hao của tài sản cố định

❖ *Đối với TSCĐ hữu hình:*

- Đối với TSCĐ còn mới (chưa qua sử dụng), doanh nghiệp phải căn cứ vào khung thời gian sử dụng TSCĐ được quy định tại *Phụ lục 1 Thông tư số 200/2014/TT-BTC* để xác định thời gian sử dụng của TSCĐ.
- Đối với TSCĐ đã qua sử dụng, thời gian sử dụng của TSCĐ được xác định như sau:

$$\text{Thời gian trích khấu hao của TSCĐ} = \frac{\text{Giá trị hợp lý của TSCĐ}}{\text{Giá bán của TSCĐ cùng loại mới 100\% (hoặc tương đương trên thị trường)}} \times \text{Thời gian trích khấu hao của TSCĐ mới cùng loại xác định theo Thông tư 45}$$

Trong đó:

Giá trị hợp lý của TSCĐ là giá mua hoặc trao đổi thực tế (trong trường hợp mua bán, trao đổi), giá trị còn lại của TSCĐ hoặc giá trị theo đánh giá của tổ chức định giá chuyên nghiệp định giá (trong trường hợp được cho, được biếu, được tặng, được cấp, được điều chuyển đến) và các trường hợp khác.

❖ *Đối với TSCĐ vô hình:*

Doanh nghiệp tự xác định thời gian sử dụng TSCĐ vô hình nhưng tối đa không quá 20 năm.

Đối với TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất có thời hạn, thời gian sử dụng là thời hạn được phép sử dụng đất theo quy định.

Đối với TSCĐ vô hình là quyền tác giả, quyền sở hữu trí tuệ, quyền đối với giống cây trồng, thì thời gian sử dụng là thời hạn bảo hộ được ghi trên văn bằng bảo hộ theo quy định.

Các phương pháp trích khấu hao tài sản cố định

a. Phương pháp khấu hao đường thẳng

Là phương pháp khấu hao theo mức tính ổn định từng năm vào chi phí sản xuất kinh doanh của từng TSCĐ tham gia vào hoạt động kinh doanh.

- Xác định mức trích khấu hao bình quân hàng năm cho tài sản cố định theo công thức dưới đây:

$$\text{Mức trích khấu hao trung bình năm của TSCĐ} = \frac{\text{Nguyên giá của TSCĐ}}{\text{Năm sử dụng}}$$

- Xác định mức trích khấu hao bình quân hàng tháng cho tài sản cố định theo công thức dưới đây:

$$\text{Mức trích khấu hao trung bình hàng tháng TSCĐ} = \frac{\text{Mức trích khấu hao cả năm}}{12 \text{ tháng}}$$

- Trường hợp nguyên giá hoặc thời gian sử dụng của TSCĐ thay đổi thì doanh nghiệp phải tính lại mức khấu hao trung bình của TSCĐ bằng cách: lấy giá trị còn lại trên sổ sách kế toán chia (:) cho thời gian trích khấu hao xác định lại hoặc thời gian trích khấu hao còn lại của TSCĐ.
- Mức trích khấu hao cho năm cuối cùng của thời gian trích khấu hao TSCĐ được xác định là hiệu số giữa nguyên giá TSCĐ và số khấu hao lũy kế đã thực hiện đến năm trước năm cuối cùng của TSCĐ đó.
- Xác định mức trích khấu hao đối với những tài sản cố định đưa vào sử dụng trước ngày 01/01/2013:
- Căn cứ các số liệu trên sổ kế toán, hồ sơ của tài sản cố định để xác định giá trị còn lại trên sổ kế toán của tài sản cố định.
- Xác định thời gian sử dụng còn lại của tài sản cố định theo công thức sau:

$$T = T_2 \left(1 - \frac{t_1}{T_1} \right)$$

Trong đó:

T: Thời gian sử dụng còn lại của tài sản cố định

T₁ : Thời gian trích khấu hao của tài sản cố định xác định theo quy định

tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

T₂ : Thời gian sử dụng của tài sản cố định xác định theo quy định tại *Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*.

t₁: Thời gian thực tế đã trích khấu hao của tài sản cố định.

- Xác định mức trích khấu hao hàng năm (cho những năm còn lại của TSCĐ) như sau:

$$\text{Mức trích khấu hao trung bình năm của TSCĐ} = \frac{\text{Nguyên giá của TSCĐ}}{\text{Năm sử dụng còn lại}}$$

- Xác định mức trích khấu hao bình quân hàng tháng cho TSCĐ như sau:

$$\text{Mức trích khấu hao trung bình hàng tháng TSCĐ} = \frac{\text{Mức trích khấu hao cả năm}}{12 \text{ tháng}}$$

b. Phương pháp khấu hao theo số dư giảm dần có điều chỉnh

Phương pháp khấu hao theo số dư giảm dần có điều chỉnh được áp dụng đối với doanh nghiệp thuộc các lĩnh vực công nghệ đòi hỏi phải thay đổi, thời gian hoàn vốn nhanh.

TSCĐ tham gia vào hoạt động sản xuất hình doanh (SXKD) được trích khấu hao theo phương pháp số dư giảm dần có điều chỉnh phải đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau: là TSCĐ đầu tư mới (chưa qua sử dụng); là các loại máy móc, thiết bị, dụng cụ làm việc đo lường, thí nghiệm.

Nội dung của phương pháp:

- Xác định thời gian khấu hao của TSCĐ: Doanh nghiệp xác định thời gian khấu hao của TSCĐ theo quy định tại Thông tư 200/2014/TT-BTC.
- Xác định mức khấu hao năm của TSCĐ trong các năm đầu theo công thức:

$$\text{Mức trích khấu hao hàng năm của TSCĐ} = \frac{\text{Giá trị còn lại của TSCĐ}}{\text{Tỷ lệ khấu hao nhanh}}$$

Trong đó:

Tỷ lệ khấu hao nhanh xác định theo công thức:

$$\text{Tỷ lệ khấu hao nhanh (\%)} = \frac{\text{Tỷ lệ khấu hao TSCĐ theo phương pháp đường thẳng}}{\text{Hệ số điều chỉnh}}$$

Tỷ lệ khấu hao TSCĐ theo phương pháp đường thẳng xác định như sau:

$$\text{Tỷ lệ khấu hao TSCĐ theo PP đường thẳng} = \frac{1}{\text{Thời gian trích khấu hao của TSCĐ}} \times 100$$

Hệ số điều chỉnh xác định theo thời gian trích khấu hao của TSCĐ quy định tại bảng sau:

Thời gian trích khấu hao của TSCĐ	Hệ số điều chỉnh (lần)
Đến 4 năm ($t \leq 4$ năm)	1,5
Trên 4 đến 6 năm ($4 \text{ năm} < t \leq 6 \text{ năm}$)	2,0
Trên 6 năm ($t > 6$ năm)	2,5

- Mức trích khấu hao hàng tháng bằng số khấu hao phải trích cả năm chia cho 12 tháng.

Lưu ý: Những năm cuối, khi mức khấu hao năm xác định theo phương pháp số dư giảm dần bằng (hoặc thấp hơn) mức khấu hao tính bình quân giữa giá trị còn lại và số năm sử dụng còn lại của TSCĐ, thì kể từ năm đó mức khấu hao được tính bằng giá trị còn lại của TSCĐ chia cho số năm sử dụng còn lại của TSCĐ.

c. Phương pháp khấu hao theo số lượng, khối lượng sản phẩm

TSCĐ tham gia vào hoạt động SXKD được trích khấu hao theo phương pháp này là các loại máy móc thiết bị thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Trực tiếp tham gia đến việc sản xuất sản phẩm;
- Xác định được tổng số lượng, khối lượng sản phẩm sản xuất theo công suất thiết kế của TSCĐ;
- Công suất sử dụng thực tế bình quân tháng trong năm tài chính không thấp hơn 100% công suất thiết kế.

Nội dung của phương pháp:

TSCĐ tham gia vào hoạt động kinh doanh được trích khấu hao theo phương pháp khấu hao theo số lượng, khối lượng sản phẩm sau:

- Căn cứ vào hồ sơ kinh tế- kỹ thuật của TSCĐ, doanh nghiệp xác định tổng số lượng, khối lượng sản phẩm sản xuất theo công suất thiết kế của TSCĐ, gọi tắt là sản lượng theo công suất thiết kế.

- Căn cứ tình hình thực tế sản xuất, doanh nghiệp xác định số lượng, khối lượng sản phẩm thực tế sản xuất hàng tháng, hàng năm của TSCĐ.
- Xác định mức trích khấu hao trong tháng của TSCĐ theo công thức:

$$\text{Mức trích khấu hao trong tháng của TSCĐ} = \frac{\text{Số lượng sản phẩm sản xuất trong tháng}}{\text{Số lượng sản phẩm sản xuất năm}} \times \text{Mức trích khấu hao bình quân tính cho một đơn vị sản phẩm}$$

Trong đó:

$$\text{Mức trích khấu hao bình quân tính cho một đơn vị sản phẩm} = \frac{\text{Nguyên giá của TSCĐ}}{\text{Sản lượng theo công suất thiết kế}}$$

- Mức trích khấu hao năm của TSCĐ bằng tổng mức trích khấu hao của 12 tháng trong năm, hoặc tính theo công thức sau:

$$\text{Mức trích khấu hao năm TSCĐ} = \frac{\text{Sản lượng sản phẩm sản xuất năm}}{\text{Số lượng sản phẩm sản xuất năm}} \times \text{Mức trích khấu hao bình quân 1 đơn vị sản phẩm}$$

Trường hợp công suất thiết kế hoặc nguyên giá của TSCĐ thay đổi, doanh nghiệp phải xác định lại mức trích khấu hao của TSCĐ.

1.2.3.2 Chứng từ và tài khoản sử dụng

- Chứng từ sử dụng: Bảng tính và phân bổ khấu hao
- Tài khoản sử dụng: Tài khoản 214 – Hao mòn TSCĐ

Tài khoản này phản ánh tình hình tăng, giảm giá trị hao mòn và giá trị hao mòn lũy kế của các loại TSCĐ và bất động sản (BDS) đầu tư trong quá trình sử dụng do trích khấu hao TSCĐ, BDS đầu tư và những khoản tăng, giảm hao mòn khác của TSCĐ, BDS đầu tư.

* *Kết cấu và nội dung phản ánh TK 214:*

Bên Nợ: Giá trị hao mòn TSCĐ, BDS đầu tư giảm do TSCĐ, BDS đầu tư thanh lý, nhượng bán, điều động cho đơn vị khác, góp vốn liên doanh.

Bên Có: Giá trị hao mòn TSCĐ, BDS đầu tư tăng do trích khấu hao TSCĐ, BDS đầu tư.

Số dư bên nợ: Giá trị hao mòn lũy kế của TSCĐ, BDS đầu tư hiện có ở doanh nghiệp.

* *TK 214 chi tiết thành 4 tiểu khoản:*

- TK 2141: Hao mòn TSCĐ hữu hình
- TK 2142: Hao mòn TSCĐ thuê tài chính
- TK 2143: Hao mòn TSCĐ vô hình
- TK 2147: Hao mòn TSCĐ bất động sản đầu tư.

1.2.3.3 Phương pháp hạch toán

NV1: Định kỳ (tháng, quý, năm) căn cứ vào bảng tính và phân bổ khấu hao, kế toán tiến hành trích khấu hao và phân bổ vào chi phí SXKD:

Nợ TK 623: Chi phí khấu hao máy thi công (doanh nghiệp xây lắp)

Nợ TK 627: Chi phí khấu hao TSCĐ phục vụ phân xưởng

Nợ TK 641: Chi phí khấu hao TSCĐ phục vụ bán hàng

Nợ TK 642: Chi phí khấu hao TSCĐ phục vụ quản lý doanh nghiệp

Có TK 214: Hao mòn TSCĐ (chi tiết TK cấp 2 phù hợp)

NV2: Trường hợp TSCĐ chưa khấu hao hết nhưng phải nhượng bán, thanh lý

Nợ TK 214: Giá trị hao mòn lũy kế

Nợ TK 811: Giá trị còn lại của TSCĐ

Có TK 211, 213: Nguyên giá TSCĐ

NV3: TSCĐ đã sử dụng, nhận được do điều chuyển ở nội bộ Tổng công ty:

Nợ TK 211: Nguyên giá TSCĐ

Có TK 411: Giá trị còn lại

Có TK 214: Hao mòn TSCĐ

NV4: Đối với TSCĐ dùng cho hoạt động sự nghiệp, dự án, khi tính hao mòn vào thời điểm cuối năm tài chính, ghi:

Nợ TK 466

Có TK 214: hao mòn TSCĐ

NV5: Đối với TSCĐ dùng cho hoạt động văn hóa, phúc lợi khi tính hao mòn vào thời điểm cuối năm tài chính, ghi:

Nợ TK 353 / Có TK 214

1.2.4 Kế toán sửa chữa tài sản cố định

Sửa chữa TSCĐ là việc bảo dưỡng, sửa chữa TSCĐ bị hỏng trong quá trình hoạt động kinh doanh nhằm khôi phục lại năng lực hoạt động bình thường của TSCĐ đó. Cách thức tiến hành sửa chữa TSCĐ có thể là do doanh nghiệp tự làm hoặc do doanh nghiệp thuê ngoài. Những chi phí mà DN bỏ ra để sửa chữa TSCĐ gọi là chi phí sửa chữa TSCĐ.

1.2.4.1 Kế toán sửa chữa thường xuyên tài sản cố định

- Sửa chữa thường xuyên TSCĐ là hình thức sửa chữa mang tính bảo dưỡng thường xuyên, có thời gian sửa chữa ngắn, chi phí sửa chữa nhỏ.
- Khối lượng công việc không nhiều, vì vậy chi phí sửa chữa phát sinh thường được tính thẳng vào chi phí SXKD trong kỳ (nếu sửa chữa cho TSCĐ phục vụ cho hoạt động phức lợi thì hạch toán thẳng vào TK 353).

* **Chứng từ sử dụng:** Hóa đơn GTGT sửa chữa, biên lai thu phí và các chứng từ khác liên quan như: phiếu chi, giấy đề nghị thanh toán, phiếu quyết toán sửa chữa chung,...

* **Tài khoản sử dụng:** Các tài khoản chi phí: TK 627, 641, 642,...và các TK liên quan: TK 133, 111,112,331,...

* **Phương pháp hạch toán:**

Khi phát sinh chi phí này, kế toán phản ánh ngay vào chi phí của từng bộ phận sử dụng tài khoản đó:

Nợ TK 627,641,642,...

Nợ TK 133: Thuế GTGT đầu vào

Có TK 111,112,331,...

1.2.4.2 Kế toán sửa chữa lớn tài sản cố định

Sửa chữa lớn TSCĐ là việc cải tạo, thay thế các bộ phận trong công việc có thể do trong doanh nghiệp tự thực hiện hoặc phải thuê ngoài, thời gian sửa chữa kéo dài và TSCĐ phải ngưng hoạt động, chi phí phát sinh thường lớn nên không thể tính hết vào chi phí của đối tượng sử dụng mà phải phân bổ hợp lý vào chi phí SXKD.

- * **Chứng từ sử dụng:** Hợp đồng kinh tế về sửa chữa lớn. Bảng dự toán chi phí sửa chữa, hóa đơn GTGT sửa chữa, biên bản giao nhận TSCĐ sửa chữa lớn hoàn thành,...
 - * **Tài khoản sử dụng:** TK 241 (2413): Sửa chữa lớn TSCĐ; TK 242: Chi phí trả trước và các tài khoản liên quan: TK 111,112,...
 - * **Phương pháp hạch toán:** Công tác sửa chữa lớn tài sản cố định của doanh nghiệp có thể tiến hành theo phương thức tự làm hoặc giao thầu:
 - **Theo phương thức tự làm:** Khi chi phí sửa chữa lớn phát sinh, căn cứ chứng từ phát sinh chi phí để hạch toán:
 - + Nếu sửa chữa lớn TSCĐ phục vụ cho sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ, ghi:
Nợ TK 241- XDCB dở dang
Nợ TK 133- Thuế GTGT được khấu trừ
 Có TK 111,112, 152,...
 - + Nếu sửa chữa lớn TSCĐ phục vụ cho sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT hoặc thuộc đối tượng chịu thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp, ghi:
Nợ TK 241- XDCB dở dang (tổng giá thanh toán)
 Có TK 111,112,... (tổng giá thanh toán)
- Khi công trình sửa chữa lớn đã hoàn thành, kế toán phải tính giá thực tế của từng công trình sửa chữa lớn để quyết toán số chi phí này theo các trường hợp sau:
- + Trường hợp chi phí sửa chữa lớn TSCĐ có giá trị nhỏ:
Nợ TK 627,641,642
 Có TK 241- XDCB dở dang (2413)
 - + Trường hợp chi phí sửa chữa lớn TSCĐ có giá trị lớn và liên quan đến nhiều kỳ sản xuất , kinh doanh, khi công việc sửa chữa lớn TSCĐ hoàn thành, tiến hành kết chuyển vào tài khoản chi phí trả trước hoặc chi phí phải trả về sửa chữa lớn TSCĐ:
Nợ TK 242- Chi phí trả trước

Nợ TK 335- Chi phí phải trả

Có TK 241-XDCB dở dang (2143)

+ Trường hợp sửa chữa lớn hoặc cải tạo, nâng cấp thỏa mãn điều kiện ghi tăng nguyên giá TSCĐ, ghi:

Nợ TK 211- TSCĐ hữu hình

Có TK 241- XDCB dở dang (2413)

• *Theo phương thức giao thầu:*

Khi nhận khối lượng sửa chữa lớn do bên nhận thầu bàn giao, ghi:

Nợ TK 241- XDCB dở dang (2413)

Nợ TK 133- Thuế GTGT được khấu trừ

Có TK 331- Phải trả cho người bán.

1.3 Tổ chức vận dụng hệ thống sổ sách kế toán vào công tác kế toán tài sản cố định trong doanh nghiệp

Theo thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ tài chính ban hành, doanh nghiệp có thể tự thiết kế các chứng từ, sổ sách kế toán phù hợp với đặc điểm hoạt động và yêu cầu quản lý của đơn vị nhưng đảm bảo cung cấp những thông tin theo quy định của Luật kế toán và các văn bản sửa đổi, bổ sung. Nếu doanh nghiệp không tự thiết kế được thì có thể vận dụng hệ thống sổ sách theo 5 hình thức kế toán sau:

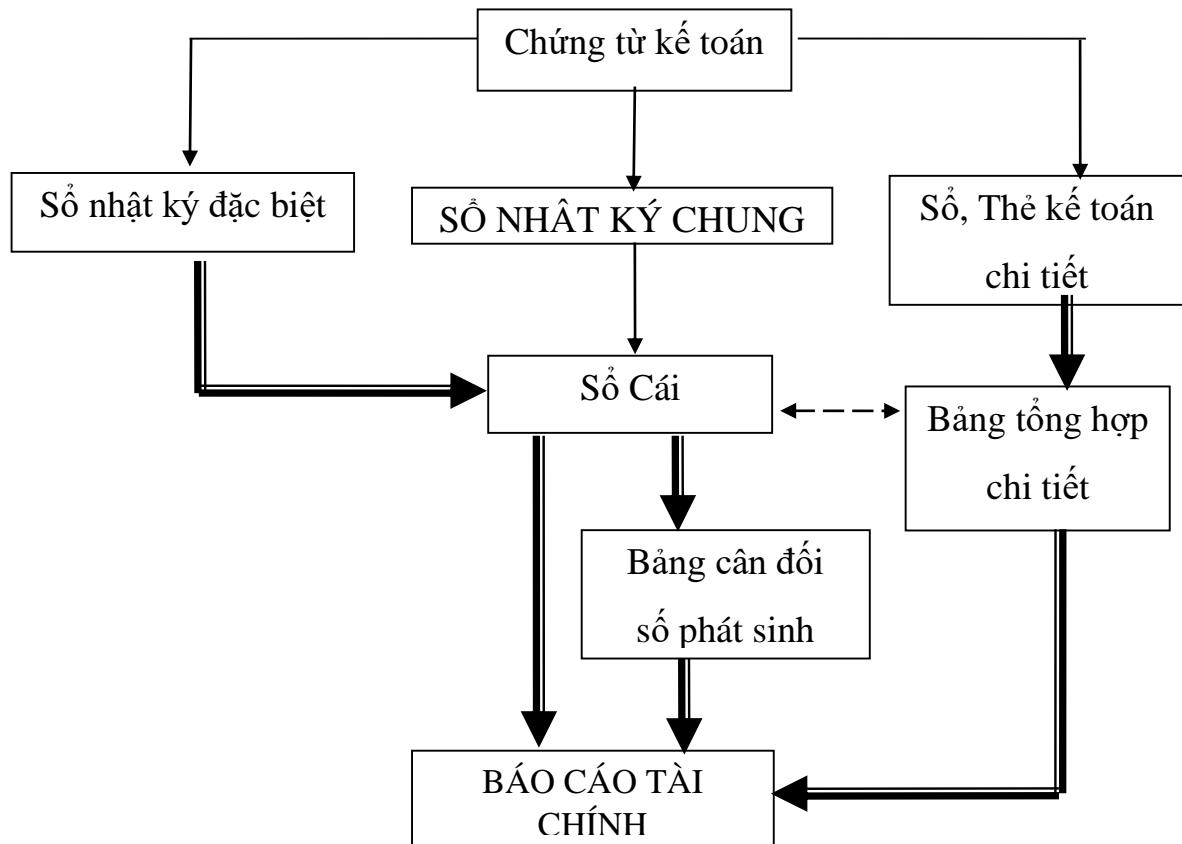
- Hình thức Nhật ký chung
- Hình thức Nhật ký – Sổ cái
- Hình thức Nhật ký- Chứng từ
- Hình thức Chứng từ ghi sổ
- Hình thức kế toán trên máy vi tính.

Việc áp dụng hình thức kế toán này hay hình thức kế toán khác là tùy thuộc vào quy mô, đặc điểm sản xuất kinh doanh và trình độ quản lý của các doanh nghiệp và quy định về đối tượng mà đơn vị kế toán lựa chọn cho phù hợp.

Tại Công ty TNHH MTV công nghiệp tàu thủy Cái Lân hiện đang áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung. Do đó, phần lý luận xin được trình bày cụ thể về đặc trưng cơ bản và trình tự ghi sổ của hình thức kế toán Nhật ký chung.

* Sơ đồ hạch toán:

Sơ đồ 1.2: Sơ đồ hạch toán theo hình thức nhật ký chung



Ghi chú:

Ghi hàng ngày	—————→
Ghi định kỳ	══════════→
Đối chiếu	←-----→

* Trình tự ghi sổ:

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh (NVPS) vào sổ Nhật ký chung, sau đó từ sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ cái (SC) theo các TK. Nếu đơn vị có mở sổ, thẻ kế toán chi tiết thì ghi đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký chung, các NVPS được ghi vào các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan. Trường hợp đơn vị mở các sổ Nhật ký đặc biệt thì hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ dùng làm căn cứ ghi sổ, ghi NVPS vào sổ Nhật ký đặc biệt liên quan. Định kỳ hoặc cuối tháng, tùy khối lượng NVPS, tổng hợp từng sổ Nhật ký đặc biệt, lấy số liệu để ghi vào các TK phù hợp trên Sổ cái.

Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, cộng số liệu trên Sổ cái, lập Bảng cân đối số phát sinh. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng số liệu ghi trên Sổ cái và Bảng tổng hợp chi tiết được dùng để lập Báo cáo tài chính.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN TÀI SẢN CÓ ĐỊNH TẠI CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CÔNG NGHIỆP TÀU THỦY CÁI LÂN

2.1 Khái quát chung về công ty TNHH MTV CNTT CÁI LÂN

2.1.1 Sự hình thành và phát triển của công ty TNHH MTV CNTT CÁI LÂN

Công ty TNHH một thành viên Công nghiệp tàu thủy Cái Lân là thành viên của Tập đoàn công nghiệp tàu thủy Việt Nam. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty trải qua 3 thời kỳ như sau:

*** Thời kỳ 2001-2003:**

Ngày 06/11/2001, Hội đồng quản trị Tổng Công ty Công nghiệp tàu thủy Việt Nam (nay là Tập đoàn Công nghiệp tàu thủy Việt Nam) đã có Quyết định số 408/QĐ-TCCB-LĐ về việc thành lập Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng khu Công nghiệp tàu thủy Cái Lân với chức năng và nhiệm vụ: Giúp Chủ đầu tư - Tổng Công ty Công nghiệp tàu thủy Việt Nam tổ chức xúc tiến, quản lý, thực hiện dự án đầu tư xây dựng cụm công nghiệp tàu thủy Cái Lân.

*** Thời kỳ 2003-2006:**

Ngày 04/4/2003 Hội đồng quản trị Tổng công ty Công nghiệp tàu thủy Việt Nam đã có Quyết định số 307/QĐ-TCCB-LĐ về việc thành lập Công ty Công nghiệp tàu thủy Cái Lân – đơn vị hạch toán phụ thuộc Tổng Công ty Công nghiệp tàu thủy Việt Nam.

Nhiệm vụ chủ yếu của Công ty Công nghiệp tàu thủy Cái Lân là: Đầu tư, thực hiện các dự án thuộc Cụm công nghiệp tàu thủy Cái Lân (do Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng khu công nghiệp tàu thủy Cái Lân chuyển sang). Bên cạnh đó Công ty cũng thực hiện một số nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và kinh doanh khác như: Sản xuất kinh doanh Thép đóng tàu, thép cường độ cao; Tổ chức, triển khai thực nghiệm năng lực các phương tiện vận tải thủy mới, sản xuất và vận tải biển; Kinh doanh dịch vụ hàng hải...

*** Thời kỳ từ 2006 đến nay:**

Ngày 30/6/2006 Hội đồng quản trị Tổng công ty Công nghiệp tàu thủy Việt Nam đã có Quyết định số 829/QĐ-CNT-TCCB-LĐ về việc thành lập Công

ty TNHH một thành viên Công nghiệp tàu thủy Cái Lân. Công ty TNHH một thành viên Công nghiệp tàu thủy Cái Lân được thành lập, trên cơ sở Công ty Công nghiệp tàu thủy Cái Lân; kế thừa toàn bộ các hoạt động của Công ty Công nghiệp tàu thủy Cái Lân – đơn vị hạch toán phụ thuộc, thuộc tổng công ty Công nghiệp tàu thủy Việt Nam (nay là Tập đoàn Công nghiệp tàu thủy Việt Nam).

Công ty TNHH một thành viên Công nghiệp tàu thủy Cái Lân là một doanh nghiệp Nhà nước, hạch toán kinh doanh độc lập tự chủ về tài chính và có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng.

- Tên công ty: Công ty TNHH MTV Công nghiệp tàu thủy Cái Lân.
- Tên tiếng anh: CAILAN SHIPBUILDING INDUSTRY COMPANY LIMITED;
- Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 11, toà nhà Lake View, D10, Giảng Võ, Ba Đình, Hà Nội.
- Điện thoại: 04.37723 447 Fax: 04. 37723 446
- Email: cailanshinco01@hn.vnn.vn
- Địa chỉ văn phòng đại diện: Cụm CNTT Cái Lân, phường Giếng Đáy, TP. Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.
- Điện thoại: 033. 3843869 Fax: 033. 3841081
- Email: cailanshinco02@hn.vnn.vn

Vốn điều lệ: 200.000.000.000 đồng (hai trăm tỷ đồng chẵn./.)

Danh sách các đơn vị thành viên thuộc công ty TNHH MTV công nghiệp tàu thủy Cái Lân:

1. Công ty TNHH MTV Thép Cái Lân Vinashin
2. Công ty TNHH MTV Điện Cái Lân Vinashin
3. Công ty TNHH MTV Công Nghiệp tàu thủy và xây dựng Hạ Long
4. Công ty TNHH MTV Cảng Hòn Gai- Vinashin
5. Công ty cổ phần xây lắp công nghiệp tàu thủy Vinashin Hạ Long
6. Công ty CP kinh doanh khai thác hạ tầng Vinashin Hạ Long
7. Công ty CP kỹ thuật môi trường CNTT
8. Công ty CP cơ khí – kết cấu thép và xây dựng Vinashin
9. Công ty CP xăng dầu Petrovietnam- Vinashin

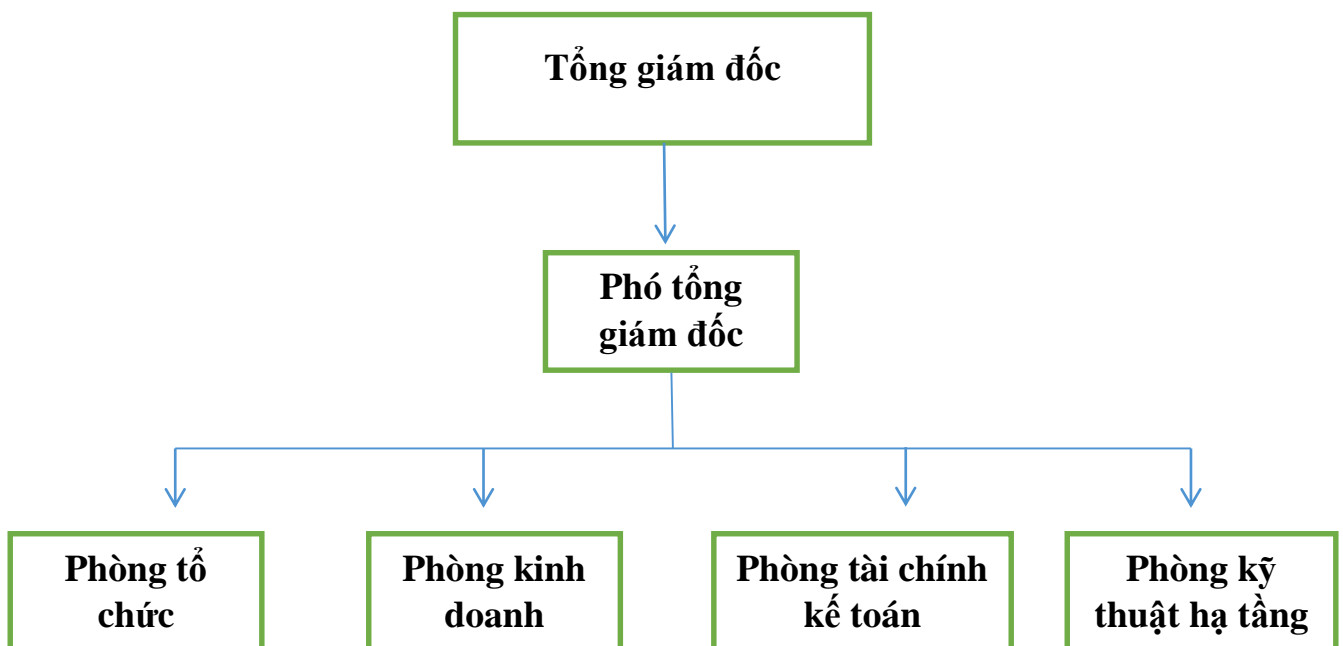
2.1.2 chức năng, nhiệm vụ của công ty TNHH MTV CNTT CÁI LÂN

Do tình hình lạm phát tăng cao tiếp đến là ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu đã làm cho tình trạng thiếu vốn nghiêm trọng đối với các hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh của Công ty. Chính vì lẽ đó Công ty cần đặt ra chiến lược phát triển cụ thể như:

- Đẩy mạnh hoạt động sản xuất điện của Nhà máy Điện 39 MW;
- Đưa các nhà máy Thép, kết cấu thép vào hoạt động đúng tiến độ dự kiến của năm, tăng năng suất và sản lượng của các nhà máy để tăng doanh thu cho Công ty;
- Khai thác tốt tàu khách cao tốc 200 chỗ tuyến Rạch Giá – Phú Quốc phục vụ khách trong nước và quốc tế;
- Khai thác triệt để tàu hút bùn để ngày càng thực hiện nhiều hơn được các hợp đồng tại khu vực Quảng Ninh và lân cận;
- Khai thác Cảng khách Hòn Gai, tận dụng tối đa diện tích mặt bến và khu vực xếp dỡ hàng của Cảng để cho thuê;
- Đẩy mạnh hoạt động kinh doanh thép, vật liệu xây dựng.

2.1.3 Tổ chức bộ máy quản lý tại công ty

Sơ đồ 2.1: Bộ máy tổ chức quản lý của Công ty TNHH MTV CNTT Cái Lân



* Tổ chức quản lý:

Tổng giám đốc: quản lý điều hành hoạt động của công ty theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được quy định tại Điều lệ của Công ty, chịu trách nhiệm toàn diện trước Chủ sở hữu về mọi mặt hoạt động của công ty theo quy định của pháp luật. Trực tiếp chỉ đạo công tác xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển Công ty, công tác tuyển dụng, tổ chức cán bộ, khen thưởng, kỷ luật, phòng chống tham nhũng trong đơn vị, kế hoạch tài chính, đối ngoại, phân khai điều chỉnh

Phó giám đốc: giúp Tổng giám đốc điều hành và chịu trách nhiệm trực tiếp lĩnh vực nội chính của công ty, theo dõi và chỉ đạo các hoạt động của phòng kỹ thuật, Ban HTCS; thực hiện theo sự phân công của Tổng giám đốc.

Phòng tổ chức: Tham mưu, giúp việc cho giám đốc công ty và tổ chức thực hiện các việc trong lĩnh vực tổ chức lao động, quản lý và bố trí nhân lực, bảo hộ lao động, chế độ chính sách, chăm sóc sức khỏe cho người lao động, bảo vệ quân sự theo luật và quy chế công ty. Kiểm tra, đôn đốc các bộ phận trong công ty thực hiện nghiêm túc nội quy, quy chế công ty. Làm đầu mối liên lạc cho mọi thông tin của giám đốc công ty.

Phòng kinh doanh: Phòng Kinh doanh là bộ phận tham mưu, giúp việc cho Tổng giám đốc về công tác bán các sản phẩm & dịch vụ của Công ty (cho vay, bảo lãnh, các hình thức cấp tín dụng khác, huy động vốn trên thị trường 1, dịch vụ tư vấn thanh toán quốc tế, dịch vụ tư vấn tài chính, đầu tư góp vốn, liên doanh liên kết); công tác nghiên cứu & phát triển thị trường; công tác xây dựng & phát triển mối quan hệ khách hàng. Chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc về các hoạt động đó trong nhiệm vụ, thẩm quyền được giao.

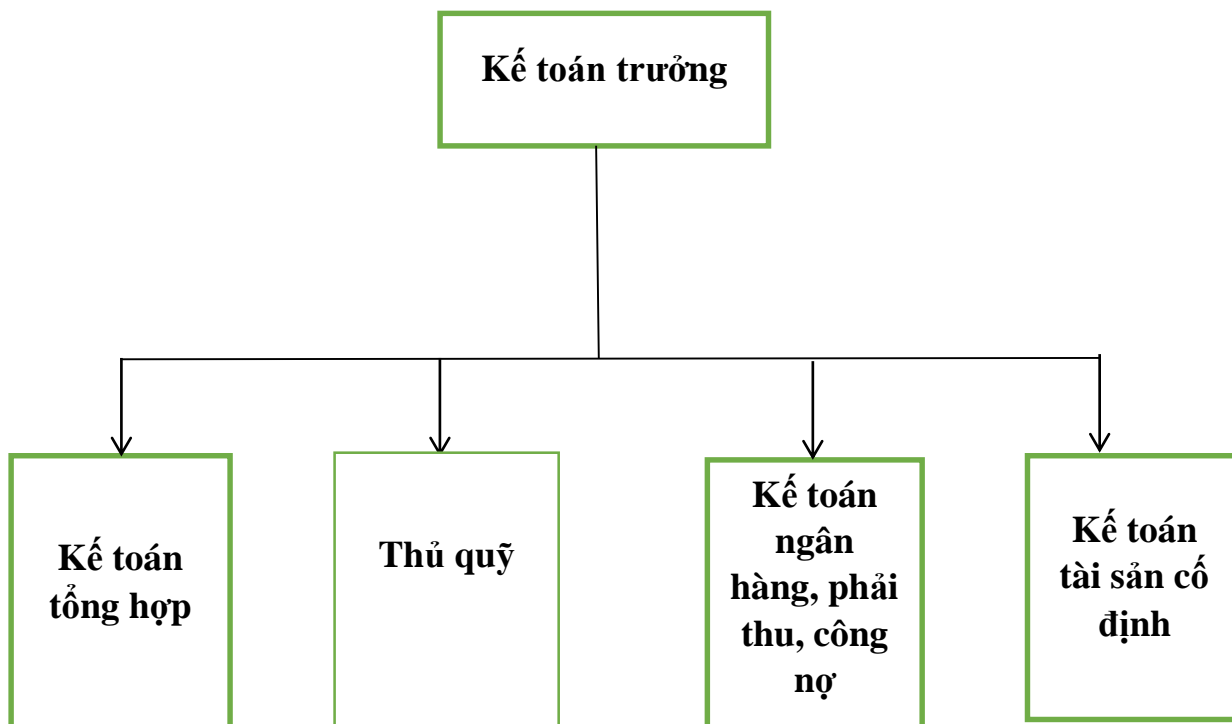
Phòng tài chính kế toán: Phòng tài chính kế toán có chức năng tham mưu, giúp việc cho Tổng giám đốc trong các lĩnh vực về công tác tài chính, kế toán, công tác quản lý vốn, tài sản, công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ; công tác quản lý chi phí và phân tích hoạt động kinh tế.

Phòng kỹ thuật- hạ tầng: Phòng quản lý hạ tầng kỹ thuật và nhà ở là phòng chuyên môn tham mưu giúp Tổng Giám đốc thực hiện chức năng quản lý về vật chất nhà làm việc của công ty, cơ sở hạ tầng, cấp giấy phép xây dựng.

2.1.4 Công tác kế toán tại công ty

2.1.4.1 Bộ máy kế toán

Sơ đồ 2.2: Bộ máy kế toán Công ty TNHH MTV CNTT Cái Lân



Trong phòng Tài chính- kế toán, mỗi cán bộ kế toán phụ trách theo dõi một số tài khoản có liên quan tới phần hành kế toán của mình. Cuối tháng, kế toán tổng hợp chi phí, xác định kết quả kinh doanh,...

❖ *Kế toán trưởng:* là người trực tiếp báo cáo định kỳ các thông tin về tình hình tài chính kế toán của công ty lên giám đốc, chịu trách nhiệm trước công ty, cơ quan pháp luật về mọi thông tin của số liệu đã báo cáo.

❖ *Kế toán tổng hợp:* tập hợp các các phần kế toán để lập lên báo cáo tài chính.

❖ *Kế toán ngân hàng, phải thu, công nợ:* kế toán kiểm tra ghi chép đối chiếu công nợ của khách hàng trên chứng từ, sổ sách. Thực hiện ghi chép các nghiệp vụ liên quan đến tiền gửi ngân hàng của Công ty, đối chiếu việc

tính TGNH thông qua việc khớp đúng giữa hóa đơn chứng từ và sổ phụ ngân hàng, các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp. Lập Báo cáo tài chính, kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

❖ *Kế toán tài sản cố định*: Có nhiệm vụ phản ánh số hiện có, tình hình tăng, giảm về số lượng, chất lượng, tình hình sử dụng TSCĐ, tính giá trị còn lại của TSCĐ và tính khấu hao TSCĐ.

❖ *Thu quỹ*: Thu quỹ là công việc liên quan trực tiếp đến tiền mặt. Thu tiền từ các nguồn thu trong công ty, có nghĩa là người thu được tiền về sẽ nộp lại cho thủ quỹ. Các khoản chi liên quan đến tiền, tất cả các nghiệp vụ ấy đều phải có phiếu thu, phiếu chi và được phản ánh chi tiết lên sổ quỹ tiền mặt. Bên cạnh đó, thủ quỹ phải chịu trách nhiệm về tiền giả, tiền thiếu.

2.1.4.2 Các chính sách và phương pháp kế toán áp dụng tại công ty

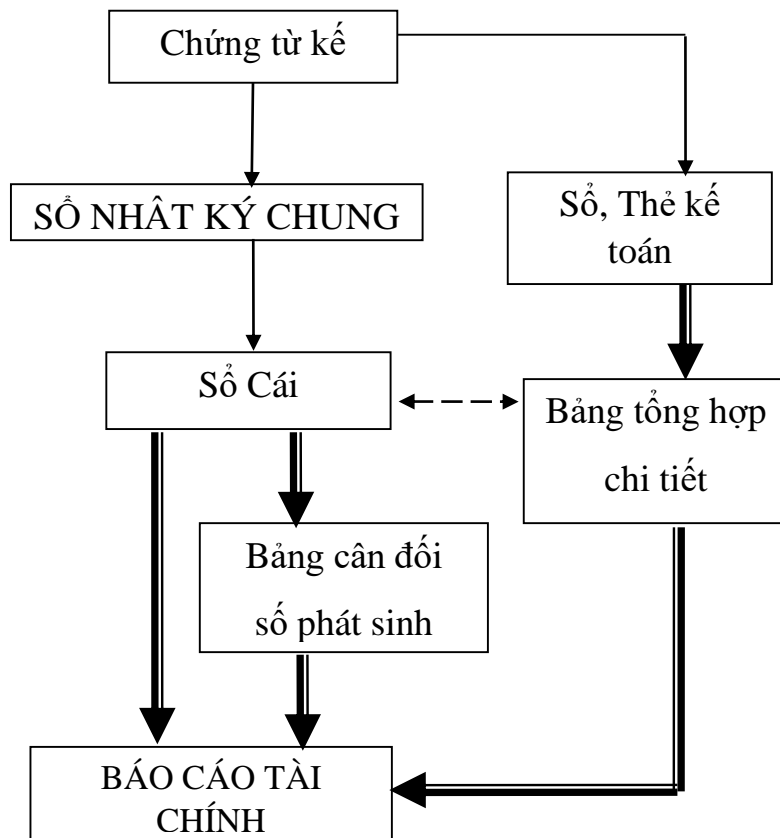
- Chế độ kế toán áp dụng: Doanh nghiệp áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ tài chính.
- Niên độ kế toán công ty áp dụng từ ngày 01/01/N, kết thúc vào ngày 31/12/N.
- Đơn vị tiền tệ mà công ty sử dụng trong ghi chép, báo cáo quyết toán là đồng nội tệ: Việt Nam đồng (VND).
- Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác: theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh.
- Phương pháp hạch toán: Công ty sử dụng phương pháp Kế khai thường xuyên.
- Phương pháp tính khấu hao tài sản cố định: khấu hao theo phương pháp đường thẳng (khấu hao đều). Thời gian khấu hao được ước tính như sau:
 - Nhà cửa, vật kiến trúc: 20 năm
 - Máy móc thiết bị: 03-08 năm
 - Phương tiện vận tải: 05-10 năm

- Thiết bị văn phòng: 05 năm
- Phương pháp tính thuế GTGT: Công ty áp dụng phương pháp tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.
- Hình thức kế toán: Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

Công ty sử dụng các loại sổ sách chủ yếu:

- Sổ Nhật ký chung
- Sổ Cái
- Các loại sổ và thẻ kế toán chi tiết.

Sơ đồ 2.3: Sơ đồ hình thức kế toán áp dụng



Ghichú:

- Ghi hàng ngày
- Ghi định kỳ
- Đối chiếu

Trình tự ghi sổ:

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ sổ

liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Nếu đơn vị có mở sổ, thẻ kế toán chi tiết thì ghi đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan. Trường hợp đơn vị mở các sổ Nhật ký đặc biệt thì hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ được dùng làm căn cứ ghi sổ, ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký đặc biệt liên quan. Định kỳ (3,5,10...ngày) hoặc cuối tháng, tùy khối lượng nghiệp vụ phát sinh, tổng hợp từng sổ Nhật ký đặc biệt, lấy số liệu để ghi vào các tài khoản phù hợp trên Sổ cái.

Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, cộng số liệu trên Sổ cái, lập Bảng cân đối số phát sinh. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng số liệu ghi trên Sổ cái và Bảng tổng hợp chi tiết được dùng để lập Báo cáo tài chính.

2.2 Thực trạng công tác kế toán tài sản cố định tại công ty TNHH MTV CNTT Cái Lân

2.2.1 Phân loại và đánh giá giá trị tài sản cố định tại công ty

- ***Phân loại TSCĐ tại công ty:***

Tài sản cố định của công ty gồm nhiều loại khác nhau cùng tham gia vào quá trình hoạt động của doanh nghiệp. Để có thể quản lý tốt TSCĐ đòi hỏi doanh nghiệp phải thực hiện phân loại một cách hợp lý.

TSCĐ tại công ty chia thành 2 loại như:

- Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn gồm: xe đưa đón công nhân, xe tải,....
- Thiết bị, dụng cụ quản lý bao gồm: máy phát điện XP75, máy photo,...

Trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty TNHH MTV CNTT Cái Lân cũng như các doanh nghiệp khác cần phải đầu tư thêm máy móc, thiết bị mới và giảm bớt những TSCĐ đã không còn hiệu quả.

- ***Đánh giá giá trị của TSCĐ:***

- *Nguyên giá:*

Tại công ty TSCĐ tăng chủ yếu do mua sắm.

- + Đối với những tài sản mua sắm thì nguyên giá là giá mua thực tế phải trả, các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại), các chi

phí thực tế phát sinh liên quan trực tiếp đến TSCĐ tính đến thời điểm đưa TSCĐ vào trạng thái sẵn sàng sử dụng như: chi phí vận chuyển, bốc dỡ, lắp đặt,...

- + Đối với những tài sản cố định do xây dựng cơ bản bàn giao, hoàn thành thì nguyên giá được tính bằng giá quyết toán công trình được duyệt trong báo cáo.

- *Giá trị hao mòn*

Giá trị hao mòn của TSCĐ là tổng số khấu hao lũy kế của TSCĐ đã trích được tính đến thời điểm báo cáo.

- *Giá trị hao mòn:*

$$\text{Giá trị còn lại} = \text{Nguyên giá TSCĐ} - \text{Hao mòn lũy kế}$$

2.2.2 Kế toán TSCĐ tại công ty TNHH MTV CNTT Cái Lân

2.2.2.1 Kế toán chi tiết tăng, giảm tài sản cố định

- ❖ *Chứng từ sử dụng:*

- Hóa đơn GTGT
- Hợp đồng kinh tế
- Biên bản giao nhận TSCĐ
- Các chứng từ khác có liên quan

- ❖ *Sổ sách sử dụng:*

- Căn cứ vào kế hoạch, phòng kinh doanh lập tờ trình gửi giám đốc duyệt hồ sơ về việc mua hoặc thanh lý, nhượng bán TSCĐ.
- Căn cứ vào tờ trình Giám đốc ra Quyết định duyệt mua hoặc thanh lý TSCĐ.
- Sau khi tìm được đối tác các bên sẽ lập hợp đồng kinh tế mua bán TSCĐ.
- Biên bản giao nhận TSCĐ sẽ được lập sau khi TSCĐ được hội đồng kiểm tra nghiệm thu.
- Đồng thời bên bán viết hóa đơn GTGT giao cho phòng kế toán để làm thủ tục thanh toán.

- Căn cứ vào bộ chứng từ kế toán tiến hành ghi vào thẻ TSCĐ và sổ chi tiết TSCĐ. Từ sổ thẻ chi tiết TSCĐ cuối kỳ kế toán ghi vào “Bảng tổng hợp chi tiết TSCĐ”.
- Ngoài ra, đối với việc thanh lý TSCĐ sau khi lập tờ trình, công ty sẽ tiến hành lập Biên bản giám định Biên bản đánh giá lại TSCĐ. Căn cứ vào quyết định của Giám đốc mới lập Biên bản thống nhất giá khởi điểm để đấu giá. Và sau đó, có Biên bản làm việc để quyết định bán cho người đấu giá cao nhất trước khi lập Biên bản giao nhận TSCĐ và viết hóa đơn.

Ví dụ minh họa : Ngày 27/07/2015, theo đề nghị của bộ phận Văn phòng công ty và Phòng Kế toán tài chính, máy phát điện FGWilson XP75 của công ty không hoạt động được nữa do bị cháy. Ban thanh lý của công ty đã họp và quyết định thanh lý TSCĐ máy phát điện trên để trang bị mua máy mới.

Nguyên giá: 324.680.000 đồng, hao mòn lũy kế: 287.477.079 đồng, giá trị còn lại là 37.202.921 đồng, giá trị thu hồi từ thanh lý: 7.803.000 đồng, chưa có VAT10%, đã thu bằng tiền mặt.

Khi tiến hành thanh lý cần lập một hội đồng thanh lý tiến hành công việc đánh giá tài sản theo hiện trạng, tình hình kỹ thuật, giá trị còn lại, kèm theo “*Biên bản thanh lý TSCĐ*” - *Biểu 2.3*

Căn cứ vào hóa đơn và chứng từ liên quan kế toán tiến hành ghi “thẻ TSCĐ” - *Biểu số 2.4* và “*sổ chi tiết TK 211*” - *Biểu số 2.5*.

CÔNG TY TNHH MTV CNTT CÁI LÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – tự do – hạnh phúc

-----o0o-----

Quảng Ninh, ngày 23 tháng 07 năm 2015

ĐƠN ĐỀ NGHỊ**Kính gửi: Giám đốc Công ty TNHH MTV CNTT Cái Lân**

Bộ phận Văn phòng công ty và phòng Kế toán tài chính được Giám đốc giao nhiệm vụ quản lý máy móc thiết bị của công ty. Trong quá trình sử dụng thiết bị văn phòng mặc dù được đã được bảo dưỡng, sửa chữa theo đúng quy trình quy phạm nhưng do thiết bị đã sử dụng qua nhiều năm nên bị hư hỏng lớn không còn khả năng khôi phục.

Theo công tác kiểm kê được kết hợp giữa phòng Tài chính- Kế toán và kỹ thuật cơ điện, bộ phận Văn phòng công ty đã lập danh sách các thiết bị đã hư hỏng, lạc hậu, giá trị hao mòn đã gần hết báo cáo lên Giám đốc. Kính đề nghị Giám đốc xét duyệt thanh lý số thiết bị này.

STT	Tên, quy cách TSCĐ	Nguyên giá TSCĐ	Hao mòn Lũy kế	Giá trị còn lại	GT thu hồi ước tính
1	Máy phát điện FGWilson XP75	324.680.000	287.477.079	37.202.921	7.803.000
	Tổng	324.680.000	287.477.079	37.202.921	7.803.000

Ban quản lý TSCĐ sẽ thực hiện theo đúng quy chế thanh lý tài sản, công cụ dụng cụ của Nhà nước ban hành.

GIÁM ĐỐC
(ký, họ tên, con dấu)

VĂN PHÒNG
(ký, ghi rõ họ tên, chức vụ)

Biểu số 2.1: Đơn đề nghị thanh lý TSCĐ

CÔNG TY TNHH MTV CNTT
CÁI LÂNCỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – tự do – hạnh phúc

-----o0o-----

Quảng Ninh, ngày 25 tháng 07 năm 2015

BIÊN BẢN ĐÁNH GIÁ LẠI TSCĐ*Căn cứ vào quy định của công ty về thanh lý TSCĐ*

Hôm nay, ngày 25/07/2015, tại văn phòng Công ty TNHH MTV CNTT Cái Lân, tổ chức đánh giá lại TSCĐ.

Hội đồng đánh giá lại TSCĐ gồm có:

1. Ông: Nguyễn Bá Dương - Tổng Giám đốc công ty - Chủ tịch hội đồng
2. Ông: Bùi Quang Hùng - Phó Giám đốc công ty - P.Chủ tịch hội đồng
3. Ông: Lê Quốc Vương - Kế toán Trưởng - Ủy viên
4. Bà: Ngô Thị Thủy - Kế toán TSCĐ - Ủy viên

Dựa vào tình trạng của TSCĐ trong danh sách thanh lý theo Quyết định số 89/2013/QĐ-GĐ ngày 25 tháng 07 năm 2015 của Tổng Giám đốc công ty.

Hội đồng đã xem xét phân tích và định giá các tài sản này như sau:

STT	Tên, quy cách TSCĐ	Nguyên giá TSCĐ	Hao mòn Lũy	Giá trị còn lại	GT đánh Giá lại
1	Máy phát điện FGWilson XP75	324.680.00	287.477.079	37.202.921	7.803.000
	Tổng	324.680.000	287.477.079	37.202.921	7.803.000

Ngày 25 tháng 07 năm 2015

ỦY VIÊN

ỦY VIÊN

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

*(ký, họ tên, chức vụ)**(ký, họ tên, chức vụ)**(ký, họ tên, đóng dấu)***Biểu số 2.2: Biên bản đánh giá lại TSCĐ**

CÔNG TY TNHH MTV CNTT CÁI LÂN **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập – tự do – hạnh phúc

-----o0o-----

--

BIÊN BẢN THANH LÝ TSCĐ

Ngày 27 tháng 07 năm 2015

Số: 10

Căn cứ Đơn đề nghị xin thanh lý ngày 23/07/2015 của bộ phận Văn phòng Công ty TNHH MTV CNTT Cái Lân đã được Tổng giám đốc phê duyệt.

I. Ban thanh lý TSCĐ bao gồm:

1. Ông: Nguyễn Bá Dương - Giám đốc công ty- Đại diện Trưởng Ban

HĐTL

2. Ông: Lê Quốc Vương- Kế toán Trưởng - Ủy viên

3. Bà: Ngô Thị Thủy - Kế toán TSCĐ - Ủy viên

Loại tài sản	Số lượng	Năm sử dụng	Nguyên giá TSCĐ	Giá trị còn lại
Máy phát điện FGWilson XP75	01	2008	324.680.000	37.202.921

III. Kết luận của Ban thanh lý TSCĐ

-TSCĐ theo giá thị trường là 7.803.000đ, chấp nhận bán thanh lý với giá 7.803.000đ (chưa thuế GTGT 10%).

IV. Kết quả thanh lý

- Giá trị thu hồi: 7.803.000đ (bảy triệu tám trăm linh ba nghìn đồng).

- Đã ghi giảm số TSCĐ.

Ngày 27 tháng 07 năm 2015

CÁC THÀNH VIÊN

(ký, họ tên)

TRƯỞNG BAN THANH LÝ

(ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.3: Biên bản thanh lý TSCĐ

CÔNG TY TNHH MTV CNTT CÁI LÂN**Giếng Đáy, Hạ Long, Quảng Ninh****THẺ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH***Ngày 01 tháng 07 năm 2008*

Căn cứ vào Biên bản bàn giao TSCĐ số 65 ngày 01 tháng 07 năm 2008.

Tên, ký hiệu, quy cách TSCĐ: Máy phát điện FGWilson XP75.

Nước sản xuất: Việt Nam

Năm sản xuất: 2008

Bộ phận quản lý sử dụng: Văn phòng công ty

Năm sử dụng: 2008

Công suất (diện tích thiết kế):

Nguyên giá tài sản cố định			Giá trị hao mòn TSCĐ	
Năm	Diễn giải	Nguyên giá	GT hao mòn	Công dồn
01/07/2008	Mua máy phát điện FGWilson XP75	324.680.000		
31/12/2008	Phân bổ KH TSCĐ		20.292.498	20.292.498
31/12/2009	Phân bổ KH TSCĐ		40.585.000	60.877.498
31/12/2010	Phân bổ KH TSCĐ		40.585.000	101.462.498
31/12/2011	Phân bổ KH TSCĐ		40.585.000	142.047.498
31/12/2012	Phân bổ KH TSCĐ		40.585.000	182.632.498
31/12/2013	Phân bổ KH TSCĐ		40.585.000	223.217.498
31/12/2014	Phân bổ KH TSCĐ		40.585.000	263.802.498
27/07/2015	Thanh lý TSCĐ		23.674.581	287.477.079

Ghi giảm TSCĐ theo Biên bản thanh lý TSCĐ số 10 ngày 27/07/2015.

Lý do giảm: Bán thanh lý TSCĐ.

*Ngày 27 tháng 07 năm 2015***Người lập****Kế toán trưởng****Tổng giám đốc***(Ký, họ tên)**(Ký, họ tên)**(Ký, họ tên, đóng dấu)***Biểu số 2.4. Thẻ tài sản cố định**

2.2.2.2 Kế toán tổng hợp tại công ty

❖ Chứng từ sử dụng

Tại công ty TNHH MTV CNTT Cái Lân sử dụng các chứng từ sau:

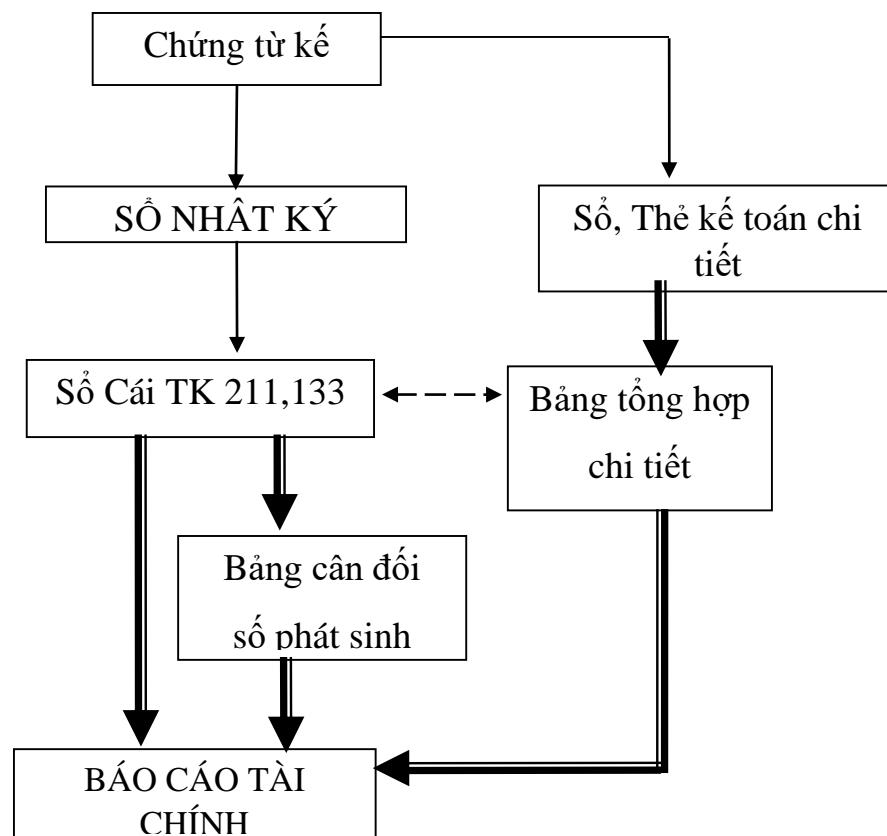
- + Hợp đồng mua bán TSCĐ
- + Hóa đơn GTGT
- + Biên bản thanh lý TSCĐ
- + Biên bản giao nhận TSCĐ
- + Các chứng từ liên quan khác

❖ Tài khoản sử dụng

- + TK 211: TSCĐ hữu hình
- TK 2114: Phương tiện vận tải
- TK 2115: thiết bị, dụng cụ quản lý
- + TK 214: Hao mòn TSCĐ
- + TK khác có liên quan: TK 111,112,331,...

❖ Quy trình hạch toán

Sơ đồ 2.4: Quy trình hạch toán tăng, giảm TSCĐ



Ghi chú:

Ghi hàng ngày 

Ghi định kỳ 

Đối chiếu 

❖ **Ví dụ minh họa:**

Ví dụ 1: Ngày 06/03/2015, Công ty mua 01 chiếc máy photocopy Sharp AR- 6031N dùng ở bộ phận Văn phòng công ty, với giá mua chưa thuế là 38.540.000 đồng, thuế GTGT 10%, thanh toán ngay bằng tiền gửi ngân hàng. Tài sản được đầu tư bằng nguồn vốn kinh doanh.

Sau khi “*Hợp đồng mua bán máy photocopy*” – Biểu số 2.8 được chứng thực đầy đủ điều kiện pháp lý và bắt đầu có hiệu lực, Công ty CP cơ khí điện &TM Thành Đạt đã tiến hành bàn giao TSCĐ thông qua “*Biên bản bàn giao TSCĐ*” – *Biểu 2.9* vào ngày 06/03/2015 kèm theo “*Hóa đơn GTGT*” – *Biểu 2.10* ngày 06/03/2015.

Từ nghiệp vụ kinh tế phát sinh kế toán ghi chép vào sổ sách theo định khoản sau:

Nợ TK 211: 38.540.000

Nợ TK 133: 3.854.000

Có TK 112: 42.394.000

Căn cứ vào bút toán trên kế toán ghi vào “*Nhật ký chung*” -*Biểu số:2.17*. Từ sổ nhật ký chung kế toán tiến hành ghi vào “*Sổ Cái TK 211*” – *Biểu số 2.18*, sổ cái tài khoản 133 và 112

CÔNG TY TNHH MTV CNTT CÁI LÂN

Bộ phận: Văn phòng công ty

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập–tự do – hạnh phúc

-----o0o-----

*Quảng Ninh, ngày 15 tháng 2 năm 2015***ĐƠN ĐỀ XUẤT***(V/v trang bị 1 máy photocopy mới cho văn phòng công ty)*

Kính gửi: - Ông Tổng giám đốc Công ty TNHH MTV CNTT Cái Lân

Hiện nay, Văn phòng công ty đang có nhu cầu sử dụng máy photocopy để tạo điều kiện cho cán bộ, nhân viên văn phòng làm việc. Để đáp ứng được nhu cầu của cán bộ, nhân viên văn phòng công ty, tôi làm đơn này kính mong Tổng giám đốc xem xét trang bị máy photocopy mới cho bộ phận văn phòng công ty.

Tôi xin chân thành cảm ơn!

NGƯỜI ĐỀ XUẤT*(Kí tên)***Biểu số 2.6: Đơn đề xuất mua TSCĐ**

CÔNG TY TNHH MTV CNTT
CÁI LÂN

Số: 41/QĐ-XDCB

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – tự do – hạnh phúc

-----o0o-----

Hải Phòng, ngày 06 tháng 03 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

“Về việc duyệt mua tài sản cố định”

Căn cứ: - Kế hoạch đầu tư trang thiết bị của công ty.

-Tờ trình ngày 15 tháng 02 năm 2015 của bộ phận Văn phòng công ty.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Phê duyệt cho công ty mua 01 Máy Photocopy Sharp AR-6031N để phục vụ cho công tác quản lý của công ty.

Điều 2: Phòng Tổ chức tiến hành tổ chức mua tài sản. Biên bản giao nhận tài sản gửi về phòng Kế toán tài chính để công ty theo dõi.

Điều 3: Các ông trưởng phòng Tổ chức, trưởng bộ phận Văn phòng công ty, trưởng phòng Kế toán tài chính có trách nhiệm thi hành quyết định này.

TỔNG GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

- Lưu tại phòng Tổ chức;
- Như điều 3.

Biểu số 2.7: Quyết định duyệt mua TSCĐ

**CÔNG TY TNHH MTV CNTT
CÁI LÂN**

Số: 0106-07/HĐKT

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-tự do – hạnh phúc**

-----o0o-----

Quảng Ninh, ngày 06 tháng 3 năm 2015

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

Căn cứ Pháp lệnh Số 24/1989/PL-HĐNN về Hợp đồng kinh tế của Hội đồng Nhà nước ban hành ngày 25/9/1989

Căn cứ Nghị định số 15/HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng ban hành ngày 16/1/1990 quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh hợp đồng kinh tế.

Hai bên chúng tôi gồm:

1. CÔNG TY TNHH MTV CNTT CÁI LÂN (gọi tắt bên A)

Địa chỉ: khu 5 tầng, phường Giếng Đáy, Tp Hạ Long, Quảng Ninh

Điện thoại: 031.3875359

Fax:031.3875365

Do Ông Nguyễn Bá Dương- Chức vụ Tổng giám đốc làm đại diện

Số tài khoản102010000211932- Chi nhánh NH VIETIN BANK, Quảng Ninh

MST: 0101999155

2.CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐIỆN & TM THÀNH ĐẠT (gọi tắt bên B)

Địa chỉ: Cao Xanh – Hạ long – Quảng Ninh

Điện thoại: 033.3634029

Fax: 033.3826085

Do Ông Bùi Thanh Ngoan- Chức vụ Giám đốc làm đại diện

Số tài khoản 102010000272234- Chi nhánh NH VIETINBANK, Quảng Ninh

MST:5701816175

Cùng nhau thoả thuận về nội dung hợp đồng như sau:

Điều 1: Trách nhiệm của bên B

1.1. Bên B cung cấp và lắp đặt cho bên A các thiết bị sau:

STT	Tên thiết bị	SL	Đơn giá	Thành tiền
1	Máy photocopy Sharp AR- 6031N Chức năng • Tốc độ copy: 31 bản/phút A4 • Phóng to thu nhỏ từ : 25 – 400% • Màn hình hiển thị LCD . • Chức năng Scan Trắng đen/màu , Scan to USB	01	38.540.000	38.540.000
2	Thuế VAT 10%			3.854.000
3	Tổng			42.394.000

(Bằng chữ: Bốn mươi hai triệu ba trăm chín mươi bốn nghìn đồng chẵn)

1.2. Chất lượng thiết bị bảo đảm tốt, mới 100%, trên mỗi linh kiện đều dán tem bảo hành của nhà cung cấp.

1.3. Thời hạn giao hàng: sau 01 ngày kể từ ngày kí hợp đồng.

Điều 2: Thanh toán

2.1. Tổng giá trị hợp đồng là: 42.394.000 đồng.

(Bằng chữ: Bốn mươi hai triệu ba trăm chín mươi bốn nghìn đồng chẵn).

2.2. Hình thức thanh toán: Chuyển khoản.

2.3. Bên A có trách nhiệm thanh toán ngay sau khi nhận được hàng và hoá đơn tài chính.

Điều 3: Điều kiện bảo hành

3.1. Bên B chịu trách nhiệm bảo hành theo đúng tiêu chuẩn của nhà sản xuất cho các thiết bị đã cung cấp kể từ ngày kí biên bản bàn giao thiết bị.

3.2. Bên A đảm bảo sử dụng thiết bị đúng yêu cầu kỹ thuật được ghi trong phiếu bảo hành.

Điều 4: Cam kết chung

4.1. Bên B cam kết tiến hành cung cấp, lắp đặt thiết bị theo đúng hợp đồng.

4.2. Bên B cam kết tạo mọi điều kiện về thời gian và địa điểm lắp đặt theo đúng yêu cầu của bên B để bên B tiến hành công việc được thuận lợi và thanh toán

cho bên B toàn bộ giá trị của hợp đồng theo đúng thời gian và phương thức đã quy định tại điều 2 ở hợp đồng này.

4.3. Khi có vướng mắc trong quá trình thực hiện hợp đồng 2 bên cùng bàn bạc giải quyết, trên tinh thần tôn trọng lẫn nhau và tôn trọng pháp luật.

Hợp đồng này được lập thành 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản, có giá trị pháp lý như nhau.

Quảng Ninh, ngày 6 tháng 03 năm 2015

ĐẠI DIỆN BÊN A

(Kí tên)

ĐẠI DIỆN BÊN B

(Kí tên)

Biểu số 2.8: Hợp đồng kinh tế

Khi TSCĐ được chuyển đến công ty, căn cứ vào các chứng từ có liên quan như: Biên bản bàn giao kiêm phiếu bảo hành, Hoá đơn GTGT mua TSCĐ,..., Phòng tài chính kế toán tiến hành làm các thủ tục tiếp nhận tài sản.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐIỆN & THƯƠNG MẠI THÀNH ĐẠT				
Địa chỉ : Cao Xanh- Hạ Long- Quảng Ninh			Điện thoại: 033.3634029	
Email: thanhdatjsc@gmail.com.vn			Fax: 033.3826085	
Tài khoản: 102010000272234-NH VIETINBANK			MST: 5701816175	
BIÊN BẢN BÀN GIAO KIÊM PHIẾU BẢO HÀNH				
<i>Hải phòng, ngày 06 tháng 03 năm 2015</i>				
Tên khách hàng: CÔNG TY TNHH MTV CNTT CÁI LÂN				
Địa chỉ: Khu 5 tầng, phường Giếng Đáy, Tp Hạ Long, Quảng Ninh				
Điện thoại: 0333843869				
STT	Tên thiết bị	SL	Mã hiệu	Thời hạn
1	Máy photocopy Sharp AR- 6031N Chức năng • Tốc độ copy/in mạng: 31 bản/phút A4 • Phóng to thu nhỏ từ : 25 – 400% • Màn hình hiển thị LCD . • Sao chụp liên tục: 999 bản • Scan Trắng đen/màu , Scan to USB	01	PBH	2năm
Ghi chú:				
1. Những trường hợp không được bảo hành:				
<ul style="list-style-type: none"> - Không có tem niêm phong của công ty chúng tôi. - Phiếu bảo hành bị mất, rách nát, hoặc bị sửa đổi nội dung. - Thiết bị hư hỏng do thiên tai. - Các lỗi do nhà sản xuất. 				
2. Địa điểm bảo hành: Cao Xanh, Hạ Long, Quảng Ninh.				
Quảng Ninh, ngày 6 tháng 3 năm 2015				
ĐẠI DIỆN BÊN NHẬN			ĐẠI DIỆN BÊN GIAO	
<i>(Kí tên)</i>			<i>(Kí tên)</i>	

Biểu số 2.9: BBBG kiêm phiếu bảo hành

Biểu số 2.10: Hóa đơn GTGT

HOÁ ĐƠN			Mẫu số: 01GTKT2/001		
GIÁ TRỊ GIA TĂNG			Ký hiệu: AA/12P		
Liên 2: Giao khách hàng			Số: 0000266		
<i>Ngày 06 tháng 03 năm 2015</i>					
Đơn vị bán hàng: Công ty CP Cơ khí điện & Thương mại Thành Đạt					
Địa chỉ: Cao Xanh, Hạ Long, Quảng Ninh.....					
Mã số thuế: 5701816175.....					
Điện thoại: 033.3634029			Số tài khoản:		
Họ tên người mua hàng:					
Tên đơn vị: Công ty TNHH MTV CNTT Cái Lân.....					
Địa chỉ: Khu 5 tầng, phường giếng đá, Tp hạ Long, Quảng Ninh					
Mã số thuế: 0101999155.....					
Hình thức thanh toán: chuyển khoản Số tài khoản:					
STT	Tên hàng hóa	ĐVT	SL	Đơn giá	Thành tiền
1	Máy photocopy Shap AR	cái	01	38.540.000	38.540.000
Cộng tiền hàng					38.540.000
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT			3.854.000
Tổng cộng tiền thanh toán					42.394.000
Số tiền viết bằng chữ: <i>Bốn mươi hai triệu ba trăm chín mươi bốn nghìn đồng chẵn</i>					
Người mua hàng		Người bán hàng		Thủ trưởng đơn vị	
(Ký, ghi rõ họ tên)		(Ký, ghi rõ họ tên)		(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	

**CÔNG TY TNHH MTV CNTT
CÁI LÂN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – tự do – hạnh phúc**

-----o0o-----

BIÊN BẢN BÀN GIAO TSCĐ

Ngày 06 tháng 03 năm 2015

Số: 09

Căn cứ Quyết định số 41/QĐ-XDCB ngày 15/02/2015 của Công ty TNHH MTV CNTT Cái Lân về việc mua sắm mới tài sản cố định.

Ban giao nhận tài sản cố định gồm:

1. Ông: Trần Mạnh Hoàng- Phó giám đốc Công ty TNHH MTV CNTT Cái Lân.
2. Ông: Lê Quốc Vương- Kế toán trưởng của Công ty TNHH MTV CNTT Cái Lân.
3. Ông: Trần Công Nguyên- Nhân viên bán hàng của Công ty Cổ phần Cơ khí điện & Thương mại Thành Đạt.

Địa điểm giao nhận TSCĐ: VP Công ty TNHH MTV CNTT Cái Lân

STT	Tên Tài sản	ĐVT	SL	Tính nguyên giá TSCĐ		
				Giá mua	Chi phí lắp đặt,...	Nguyên giá
1	Máy Photocopy Sharp AR- 6031N	cái	01	38.540.000	-	38.540.000
	Cộng			38.540.000	-	38.540.000

Ngày 06 tháng 03 năm 2015

Kèm theo: 01 Biên bản bàn giao kèm phiếu bảo hành

01 Hoá đơn GTGT

Biểu 2.11: Biên bản bàn giao TSCĐ

CÔNG TY TNHH MTV CNTT CÁI LÂN
Giếng Đáy- Hạ Long – Quảng Ninh

THẺ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Số: 10/TBDCQL

Ngày 06 tháng 03 năm 2015

Căn cứ vào Biên bản bàn giao TSCĐ số 09 ngày 06 tháng 03 năm 2015.

Tên, ký hiệu, quy cách TSCĐ: Máy photocopy.

Nhãn hiệu: Sharp

Nước sản xuất: Trung Quốc

Năm sản xuất: 2014

Bộ phận quản lý sử dụng: Văn phòng công ty

Năm sử dụng: 2015

Số hiệu chứng từ	Nguyên giá TSCĐ			Giá trị hao mòn TSCĐ		
	Ngày, tháng, năm	Diễn giải	Nguyên giá	Năm	Giá trị hao mòn	Cộng dồn
A	B	C	1	2	3	4
HĐ GTGT 002980	06/03/2015	Mua máy photocopy AR-6031N	38.540.000	2015		

DỤNG CỤ PHỤ TÙNG KÈM THEO

STT	Tên, quy cách dụng cụ, phụ tùng	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1					
2					

Ghi giảm TSCĐ chứng từ số:.....ngày.....tháng.....năm.....

Lý do giảm:.....

Ngày 06 tháng 03 năm 2015

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Biểu số 2.12: Thẻ TSCĐ

Biểu số 2.13: Trích lệnh chi

Công Thương Việt Nam		Vietinbank	
Lệnh chi			
Payment Order			
Số No 48 Ngày 06/03/2015			
Liên 2 Copy 2			
Tên đơn vị trả tiền <i>Payer</i> : Công ty TNHH MTV CNTT Cái Lân			
Tài khoản <i>Nợ Debit A/C</i> : 102010000217497			
Tại ngân hàng <i>With Bank</i> : Công Thương Bãi Cháy		Số tiền bằng số	
		<i>Amount in figures</i>	
Số tiền bằng chữ <i>Amuont in words</i> : Bốn hai triệu ba		42.394.000 VND	
trăm chín mươi bốn nghìn đồng chẵn./.			
Tên đơn vị nhận tiền <i>Payee</i> : Công ty CP Cơ khí điện & thương mại Thành Đạt			
Tài khoản <i>Có Credit A/C</i> : 102010000272234			
Tại ngân hàng <i>With Bank</i> : Công Thương Việt Nam			
Nội dung <i>Barks</i> : Thanh toán tiền mua máy photocopy			
Ngày hạch toán <i>Accouting date</i> 06/03/2015			
Đơn vị trả tiền	Chủ tài khoản	Giao dịch viên	Kiểm soát viên
<i>Payer</i>	<i>A/C holder</i>	<i>Teller</i>	<i>Supervisor</i>
Accountant			

Ví dụ 2: Ngày 27/07/2015, theo đề nghị của bộ phận Văn phòng công ty và Phòng Kế toán tài chính, máy phát điện FGWilson XP75 của công ty không hoạt động được nữa do bị cháy. Ban thanh lý của công ty đã họp và quyết định thanh lý TSCĐ máy phát điện trên để trang bị mua máy mới.

Nguyên giá: 324.680.000đ, giá trị hao mòn lũy kế: 287.477.079đ, giá trị còn lại: 37.202.921đ, giá trị thanh lý là: 7.803.000đ, chưa có VAT10%, đã thu bằng tiền mặt.

Quá trình thanh lý tài sản cho Công ty Nam Sơn có hợp đồng kinh tế, hóa đơn gia tăng.

Khi tiến hành thanh lý cần lập một hội đồng thanh lý tiến hành công việc đánh giá tài sản theo hiện trạng, tình hình kỹ thuật, giá trị còn lại, kèm theo “*Biên bản thanh lý TSCĐ*” - *Biểu 2.3*. Và kí kết “*hợp đồng mua bán TSCĐ*” - *Biểu 2.14*. Sau khi hợp đồng được chứng thực đầy đủ điều kiện pháp lý và bắt đầu có hiệu lực, công ty giao TSCĐ và viết “*hóa đơn GTGT*” - *Biểu 2.15*.

Từ các chứng từ trên kế toán ghi vào sổ sách kế toán theo hai định khoản sau:

- Ghi giảm TSCĐ đã thanh lý:

Nợ TK 214: 287.477.079

Nợ TK 811: 37.202.921

Có TK 211: 324.680.000

- Phản ánh số thu về thanh lý:

Nợ TK 111: 8.583.300

Có TK 711: 7.803.000

Có TK 333: 780.300

Từ định khoản trên kế toán ghi vào Nhật ký chung- *Biểu số 2.17*. Đồng thời ghi vào sổ chi tiết các tài khoản có liên quan. Từ sổ Nhật ký chung kế toán ghi vào sổ cái TK 211- *biểu số 2.18*, sổ cái TK 214- *biểu số 2.21*, sổ cái TK 811, 711, 333.

**CÔNG TY TNHH MTV CNTT
CÁI LÂN**

Số: 0197-07/HĐKT

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-tự do – hạnh phúc**

-----o0o-----

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

(V/v mua bán máy phát điện FGWilson XP75)

*Căn cứ Pháp lệnh Số24/1989/PL-HĐNN về Hợp đồng kinh tế của Hội đồng
Nhà nước ban hành ngày 25/9/1989*

*Căn cứ Nghị định số 15/HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng ban hành ngày
16/1/1990 quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh hợp đồng kinh tế.*

Hai bên chúng tôi gồm:

1.CÔNG TY TNHH MTV CNTT CÁI LÂN (gọi tắt bên A)

Địa chỉ: Giếng Đáy, Hạ Long, Quảng Ninh

Điện thoại:0333843869

Fax:

Do Ông Nguyễn Bá Dương- Chức vụ Tổng giám đốc làm đại diện

Số tài khoản 102010000217497- Chi nhánh NH VIETINBANK, Quảng Ninh

2.CÔNG TY TNHH HOÀNG AN (gọi tắt bên B)

Địa chỉ: tổ 5 khu 8 Bãi Cháy- Hạ Long- Quảng Ninh

Điện thoại: 033.3920345

Fax:031.3920355

Do ông Trần Bảo Nam- Chức vụ Phó giám đốc làm đại diện

Số tài khoản 102010000235761- Chi nhánh NH VIETINBANK, Quảng Ninh

Cùng nhau thoả thuận về nội dung hợp đồng như sau:

Điều 1: Nội dung hợp đồng:

Bên A bán cho bên B 01 máy phát điện FGWilson XP75.

Tổng giá trị hợp đồng: **8.583.300 đồng**

(Bằng chữ:Tám triệu năm trăm tám ba nghìn ba trăm đồng)

Điều 2: Hình thức thanh toán:Tiền mặt.

Điều 3: Thời hạn thanh toán: Thanh toán ngay sau khi kí hợp đồng

Điều 4: Nơi nhận hàng: Công ty TNHH Hoàng An.

Điều 5: Cam kết chung: Hai bên cam kết nghiêm chỉnh thực hiện các điều khoản ghi trên hợp đồng.

Hợp đồng được lập thành 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản, có giá trị pháp lý như
nhau.

Quảng Ninh, ngày27 tháng 07 năm 2015

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B

Biểu số 2.14: Hợp đồng kinh tế

HOÁ ĐƠN		Mẫu số: 01GTKT2/001			
GIÁ TRỊ GIA TĂNG		Ký hiệu: AA/12P			
Liên 3: Nội bộ		Số: 0000198			
Ngày 27 tháng 07 năm 2015					
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH MTV CNTT Cái Lân					
Địa chỉ: Khu 5 tầng, Giếng Đáy, Hạ Long, Quảng Ninh.....					
Mã số thuế: 0101999155.....					
Điện thoại: 0333843869 Số tài khoản:					
Họ tên người mua hàng: Mai Thành Hiếu					
Tên đơn vị: Công ty TNHH Hoàng An.....					
Địa chỉ: Số 5 khu 8 Bãi Cháy, Hạ Long, Quảng Ninh					
Mã số thuế: 5701816293.....					
Hình thức thanh toán: Tiền mặt		Số tài khoản:			
STT	Tên hàng, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Máy phát điện FGWilson XP75	chiếc	01	7.803.000	7.803.000
Cộng tiền hàng					7.803.000
Thuế suất GTGT: 10%			Tiền thuế GTGT		780.300
Tổng cộng tiền thanh toán					8.583.300
Số tiền viết bằng chữ: Tám triệu năm trăm tám mươi ba nghìn ba trăm đồng					
Người mua hàng		Người bán hàng		Thủ trưởng đơn vị	
(Ký, ghi rõ họ tên)		(Ký, ghi rõ họ tên)		(Ký, đóng dấu, họ tên)	

Biểu số 2.15. Hóa đơn GTGT

CÔNG TY TNHH CNTT CÁI LÂN

Mẫu số 01 -TT

Giếng Đáy- Hạ Long- Quảng Ninh

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)**PHIẾUTHU**

Số: PT 22/7

Ngày 27 tháng 07 năm 2015

Nợ: 111

Có: 711

Có: 333

Họ và tên người nộp: Ngô Thị Thủy.....

Địa chỉ: Phòng Kế Toán.....

Lý do thu: Thu tiền bán thanh lý máy phát điện FGWilson XP75.....

Số tiền: 8.583.300.....

Bằng chữ: *Tám triệu năm trăm tám mươi ba nghìn ba trăm đồng*.....

Kèm theo: 01 chứng từ gốc.....

Ngày 27 tháng 07 năm 2015

Tổng giám đốc	Kế toán trưởng	Người nộp tiền	Người lập phiếu	Thủ quỹ
<i>(Ký, họ tên, đóng dấu)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>

Đã ghi nhận đủ số tiền: *Tám triệu năm trăm tám mươi ba nghìn ba trăm đồng*

Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc đá quý):

Số tiền quy đổi:

Biểu số 2.16: Phiếu thu

Công ty TNHH một thành viên**Công nghiệp Tàu thủy Cái Lân****SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2015

Đơn vị: Đồng

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản		Số phát sinh
	Số hiệu	Ngày tháng		Nợ	Có	
...
06/03/2015	HD 266	06/03	Mua máy photocopy	211	112	38.540.000
				133	112	3.854.000
07/03/2015	PC 21/3	07/03	Chi tiếp khách	642	111	4.200.000
			Thuế GTGT	133	111	420.000
...
27/07/2015	BBTL10	27/07	Thanh lý máy phát điện	811	211	37.202.921
				214	211	287.477.079
	HD 198	27/07	Thu từ thanh lý	111	711	7.803.000
				111	333	780.300
...
31/12/2015	PBKH IV	31/12	Khấu hao TSCĐ	136	214	1.009.131.704
31/12/2015	PBKH IV	31/12	Khấu hao TSCĐ	642	214	223.296.683
...
			Cộng phát sinh năm			48.748.656.623

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.17: Trích sổ nhật ký chung

CÔNG TY TNHH MTV CNTT CÁI LÂN

Giếng Đáy- Hạ Long- Quảng Ninh

SỔ CÁI

Năm 2015

Tài khoản: 211- TSCĐHH

Đơn vị tính: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ		66.361.204.256	
06/03	HĐGTGT 0000266	06/03	Mua máy photocopy	112	38.540.000	
...
27/07	BBTL1 0	27/07	Thanh lý máy phát điện	811		37.202.921
				214		287.477.079
...
08/09	BBTL 15	08/09	Thanh lý máy photo cũ	811		5.265.253
				214		26.234.747
...
			Cộng phát sinh		38.540.000	1.934.489.288
			Số dư cuối kỳ		64.465.254.968	

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

NGƯỜI GHI SỔ

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.18. Trích Sổ cái TK 211

2.2.2.3 Kế toán khấu hao tài sản cố định

Hiện nay, Công ty TNHH MTV CNTT Cái Lân đang áp dụng phương pháp trích khấu hao theo đường thẳng (hay còn được gọi là khấu hao đều hoặc khấu hao tuyến tính) đối với các TSCĐ doanh nghiệp quản lý. Phương pháp này được quy định trong nội dung của Thông tư 200/2014/TT-BTC của Bộ tài chính ban hành chế độ quản lý và trích khấu hao TSCĐ.

Công ty có cách tính phân bổ khấu hao những tháng có sự biến động về tài sản như sau: đối với những tài sản mua chưa đủ tháng nhưng công ty trích khấu hao cả tháng.

- Xác định mức trích khấu hao hàng năm (cho những năm còn lại của TSCĐ) như sau:

$$\text{Mức trích khấu hao trung bình năm của TSCĐ} = \frac{\text{Nguyên giá của TSCĐ}}{\text{Năm sử dụng còn lại}}$$

- Xác định mức trích khấu hao bình quân hàng tháng cho TSCĐ như sau:

$$\text{Mức trích khấu hao trung bình hàng tháng TSCĐ} = \frac{\text{Mức trích khấu hao cả năm}}{12 \text{ háng}}$$

Công ty tính khấu hao theo quý:

$$\text{Mức trích khấu hao quý} = \text{Mức trích khấu hao tháng} \times 3$$

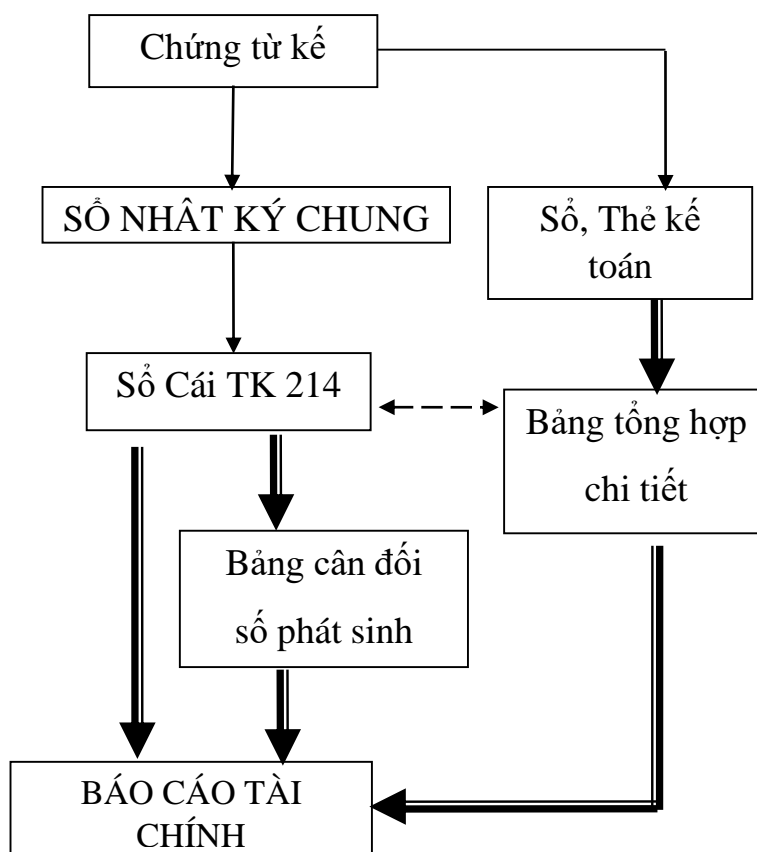
❖ **Chứng từ sử dụng**

Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ

❖ **Tài khoản sử dụng**

- TK 214, 136, 642.

❖ **Quy trình hạch toán**

Sơ đồ 2.5: Quy trình hạch toán khấu hao TSCĐ

Ghi chú:

Ghi hàng ngày \longrightarrow

Ghi định kỳ \Longrightarrow

Đối chiếu \longleftrightarrow

Ví Du: Ngày 06/03/2015, Công ty TNHH MTV CNTT Cái Lân đã mua 1 máy photocopy, giá mua ghi trên hoá đơn là 38.540.000 đồng, thời gian tính khấu hao là 3 năm.

Tài sản này được đưa vào sử dụng ngày 06/03/2015 nhưng kế toán bắt đầu tính khấu hao từ ngày 01/06/2015

Nguyên giá tài sản cố định = 38.540.000 đồng.

Mức trích KH trung bình năm = $38.540.000 / 4 \text{ năm} = 9.635.000 \text{ đồng/năm}$.

Mức trích KH trung bình tháng = $12.000.000 / 12 \text{ tháng} = 802.917 \text{ đồng/tháng}$.

Mức trích KH trung bình quý I = $802.917 \times 1 \text{ tháng} = 802.917 \text{ đồng/quý}$

Mức trích KH trung bình quý II = $802.917 \times 3 \text{ tháng} = 2.408.751$
đồng/quý

Mức trích KH trung bình quý III = $802.917 \times 3 \text{ tháng} = 2.408.751$
đồng/quý

Mức trích KH trung bình quý IV = $802.917 \times 3 \text{ tháng} = 2.408.751$
đồng/quý

Sau khi kế toán đã hạch toán đủ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến tăng, giảm TSCĐ trong tháng kế toán tính khấu hao TSCĐ.

Công ty TNHH một thành viên

Công nghiệp Tàu thủy Cái Lân

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2015

Đơn vị: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản		Số phát sinh
	Số hiệu	Ngày tháng		Nợ	Có	
...
06/03/2015	HD 266	06/03	Mua máy photocopy	211	112	38.540.000
				133	112	3.854.000
07/03/2015	PC 11/3	07/03	Chi tiếp khách	642	111	4.200.000
			Thuế GTGT	133	111	420.000
...
08/10/2015	PC 14/10	08/10	Chi tiếp khách	642	111	3.540.000
				133	111	354.000
...
31/12/2015	PBKH IV	31/12	Khấu hao TSCĐ	136	214	1.009.131.704
31/12/2015	PBKH IV	31/12	Khấu hao TSCĐ	642	214	223.296.683
...
			Cộng phát sinh năm			48.748.656.623

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.20: Trích sổ nhật ký chung

Công ty TNHH một thành viên

Công nghiệp Tàu thủy Cái Lân

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm 2015

Tên tài khoản: Hao mòn TSCĐ

Số hiệu: 214

Đơn vị: Đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
		Số dư đầu năm			23.747.284.929
BBTL10	27/07	Thanh lý máy phát điện	211	287.477.079	
...
PBKH III	30/09	Khấu hao quý III	136		1.009.131.704
PBKH III	30/09	KH TSCĐ quý III	642		234.296.375
...
PBKH IV	31/12	Khấu hao quý IV	136		1.009.131.704
PBKH IV	31/12	KH TSCĐ quý IV	642		223.296.683
...
BSKH 12	31/12	Bổ sung khấu hao TSCĐ năm 2015	136		4.036.526.814
		Cộng phát sinh năm		487.477.079	8.662.009.061
		Số dư cuối kỳ			31.921.816.911

Ngày ...tháng ...năm.....

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.21: Trích sổ cái TK 214

2.2.2.4 Kế toán sửa chữa tài sản cố định

Kế toán sửa chữa thường xuyên TSCĐ thường phát sinh tương đối đều đặn, giá trị thấp nên kế toán phản ánh trực tiếp vào chi phí SXKD trong kỳ hạch toán.

- ***Chứng từ sử dụng***

- Bảng tính lương công nhân viên sửa chữa thường xuyên TSCĐ.
- Phiếu chi, HĐGTGT (liên 2).

- ***Trình tự luân chuyển chứng từ***

Khi phát sinh chi phí sửa chữa TSCĐ, các công trường, phân xưởng, đơn vị quản lý TSCĐ tiến hành lập danh mục vật tư dưới sự kiểm tra giám sát của phòng kỹ thuật. Sau khi danh mục vật tư được lập, các đơn vị trình Tổng giám đốc ký duyệt với đầy đủ chữ ký của các bên và bộ phận theo dõi kiểm tra.

Căn cứ vào HĐ GTGT mua dịch vụ, Phiếu xuất kho, Phiếu chi, Bảng tính lương,... phát sinh trong quá trình sửa chữa thường xuyên, kế toán tập hợp trực tiếp vào chi phí liên quan của từng bộ phận. Phát sinh sửa chữa thường xuyên đến đâu thì tập hợp chi phí tới đó.

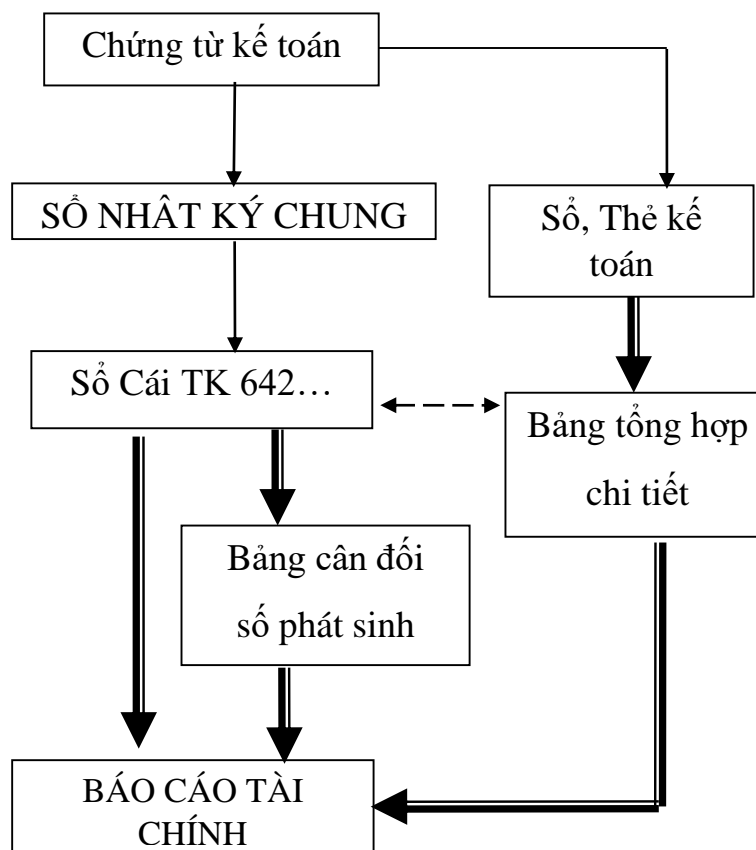
Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ về chi phí sửa chữa thường xuyên thực tế phát sinh, kế toán tiến hành tập hợp chi phí chuyển vào Sổ Nhật ký chung và sổ cái các TK có liên quan.

- ***Tài khoản sử dụng***

TK 133, 641, 642, 331,...

- *Quy trình hạch toán*

Sơ đồ 2.6: Quy trình hạch toán sửa chữa TSCĐ



Ghi chú:

Ghi hàng ngày \longrightarrow

Ghi định kỳ \Longrightarrow

Đối chiếu \longleftrightarrow

Ví dụ 4: Ngày 14/07/2015, công ty chi bảo dưỡng xe ô tô 4 chỗ (xe được dùng để phục vụ cho văn phòng), số tiền chưa thuế GTGT 5.480.000, thuế GTGT10%, thanh toán ngay bằng tiền mặt.

Khi TSCĐ bị hỏng hoặc xuống cấp lái xe Trần Mạnh Linh viết “Đơn đề nghị bảo dưỡng sửa chữa”- Biểu số 2.22 trình lên giám đốc. Khi đơn đề nghị được chấp thuận thì tiến hành mang TSCĐ đi bảo dưỡng. Sau khi quá trình sửa chữa hoàn tất thì “Hóa đơn GTGT” – Biểu số 2.23. Đồng thời kế toán nhận được “Bảng tổng hợp chi phí sửa chữa, thường xuyên” – Biểu số 2.25 được gửi về doanh nghiệp. Kế toán căn cứ vào hóa đơn để viết “Phiếu chi” – Biểu số 2.24 để trả tiền cho bên sửa chữa.

khoản sau;

Nợ TK642:5.480.000

Nợ TK133:548.000

Có TK 111: 6.028.000

Từ định khoản trên kế toán ghi vào “*Nhật ký chung*”- *Biểu số 2.26*. Từ sổ Nhật ký chung kế toán vào “*Sổ cái TK 642*”- *Biểu số 2.27*, sổ cái TK 133, 111.

CÔNG TY TNHH MTV**CNTT CÁI LÂN****Bộ phận: Văn phòng công ty****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT****NAM Độc lập – tự do – hạnh phúc**

-----o0o---

*Quảng Ninh, ngày 09 tháng 07 năm 2015***ĐƠN ĐỀ NGHỊ BẢO DƯỠNG SỬA CHỮA**

Kính gửi:- Tổng giám đốc Công ty TNHH MTV CNTT Cái Lân

Tên phương tiện: Xe ô tô 4 chỗ

Kiểu loại: Xe ô tô 4 chỗ ngồi

Người đề nghị: Trần Mạnh Linh

Bộ phận: Lái xe cho bộ phận văn phòng

Nội dung sửa chữa:

1. Thay bộ phận lọc xăng.
2. Bảo trì và sửa chữa thắng.
3. Siết chặt các vít, bulông, đai ốc.
4. Thay mới lốp xe.

*Quảng Ninh, ngày 9 tháng 7 năm 2015***Lái xe***(Ký tên)***Tổng giám đốc***(Ký tên, đóng dấu)***Biểu số 2.22: Đơn đề nghị bảo dưỡng sửa chữa**

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ về chi phí sửa chữa thường xuyên thực tế phát sinh, kế toán tiến hành tiến hành lập phiếu chi:

CÔNG TY TÀU THỦY CÁI LÂN		Mẫu số 02-TT		
Giếng Đáy- Hạ Long- Quảng Ninh		(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC)		
		Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)		
PHIẾU CHI		Số: PC 15/7		
<i>Ngày 14 tháng 07 năm 2015</i>		Nợ: 642		
		Nợ: 133		
		Có: 111		
Họ và tên người nhận tiền: Trần Mạnh Linh.....				
Địa chỉ: Công ty TNHH NTV CNTT Cái Lân.....				
Lý do chi: Thanh toán tiền sửa chữa định kỳ xe ô tô 4 chỗ				
Số tiền: 6.028.000 đ.....				
Bằng chữ: <i>Sáu triệu không trăm hai mươi tám nghìn đồng</i>				
Kèm theo: 01 chứng từ gốc.....				
Ngày 14 tháng 07 năm 2015				
Tổng giám đốc	Kế toán trưởng	Thủ quỹ	Người lập phiếu	Người nhận tiền
<i>(Ký, họ tên, đóng dấu)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>
Đã nhận đủ số tiền: Sáu triệu không trăm hai mươi tám nghìn đồng.				
Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc đá quý):				
Số tiền quy đổi:				

Biểu số 2.24: Phiếu chi

CÔNG TY TNHH MTV CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
CÔNG NGHIỆP TÀU THỦY CÁI LÂN Độc lập – tự do – hạnh phúc

-----o0o-----

BẢNG TỔNG HỢP CHI PHÍ SỬA CHỮA, BẢO DƯỠNG

Ngày 14 tháng 07 năm 2015

TT	Tên thiết bị	Tên vật tư	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Xe ô tô 4 chỗ	Thay lọc xăng	01	270.000	270.000
2		Thay thắng xe	01	410.000	410.000
3		Thay lốp xe	01	4.050.000	4.050.000
4		Bảo dưỡng cấp (III)	01	750.000	750.000
	Tổng				5.480.000

Hải Phòng, ngày 14 tháng 07 năm 2015

Phụ trách bộ phận

(Ký tên)

Người lập

(Ký tên)

Biểu số 2.25: Bảng tổng hợp CPSC thường xuyên

**Công ty TNHH một thành viên
Công nghiệp Tàu thủy Cái Lân**

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2015

Đơn vị: Đồng

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản		Số tiền
	Số hiệu	Ngày tháng		Nợ	Có	
...
06/03/2015	HD 266	06/03	Mua máy	211	112	38.540.000
			photocopy	133	112	3.854.000
07/03/2015	PC 11/3	07/03	Chi tiếp khách	642	111	4.200.000
			Thuế GTGT	133	111	420.000
...
14/07/2015	PC15/07	14/07	Chi phí sửa xe 4 chỗ	642	111	5.480.000
			Thuế GTGT	133	111	548.000
...
08/10/2015	PC14/10	08/10	Chi tiếp khách	642	111	3.540.000
			Thuế GTGT	133	111	354.000
...
31/12/2015	PBKH IV	31/12	Khấu hao TSCĐ	136	214	1.009.131.704
31/12/2015	PBKH IV	31/12	Khấu hao TSCĐ	642	214	223.296.683
...
			Cộng phát sinh năm			48.748.656.623

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.26: Trích sổ nhật ký chung

Công ty TNHH một thành viên

Công nghiệp Tàu thủy Cái Lân

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm 2015

Tên tài khoản: Chi phí quản lý doanh nghiệp

Số hiệu: 642

Đơn vị: Đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
Số hiệu	NT			Nợ	Có
		Số dư đầu năm			
...
PC 15/7	14/07	Chi phí sửa xe 4 chỗ	111	5.480.000	
...
PC 31/12	24/12	Thanh toán tiền nước văn phòng T9 + T10/2015	111	2.113.636	
PC 32/12	25/12	Chi phí tiếp khách	111	4.097.000	
...
PC 37/12	31/12	Chi tiếp khách	111	3.850.000	
...
PBKH IV	31/12	Khấu hao TSCĐ Q IV	214	223.296.683	
K/C	31/12	Kết chuyển chi phí	911		5.042.599.754
		Cộng phát sinh năm		5.042.599.754	5.042.599.754
		Số dư cuối kỳ			

Ngày ...tháng ...năm.....

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.27 : Trích sổ cái tài khoản 642

CHƯƠNG 3 MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH TẠI CÔNG TY

Hiện nay đất nước ta đang phát triển theo định hướng nền kinh tế công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Vì vậy, vai trò kế toán càng trở nên quan trọng và trở thành một công cụ không thể thiếu trong quản lý kinh tế nhà nước và của mọi doanh nghiệp. Kế toán được sử dụng như một công cụ sắc bén và có hiệu quả hoạt động SXKD của các đơn vị.

Trong nhiều năm nay, Chính sách tài sản cố định của nước ta không ngừng được sửa đổi và hoàn thiện. Chế độ tài sản cố định mới ra đời nhằm hoàn thiện việc trả quản lý tài sản cố định để phù hợp với tình hình SXKD và trình độ quản lý kinh tế. Vì thế kế toán tài sản cố định ở doanh nghiệp nói chung và Công ty nói riêng cũng phải được nghiên cứu và hoàn thiện để đáp ứng nhu cầu SXKD và quản lý kinh tế.

3.1 Đánh giá chung về công tác kế toán tài sản cố định trong công ty

Qua thời gian tìm hiểu thực tế về cách tính và cách hạch toán tài sản cố định ở Công ty TNHH một thành viên Công nghiệp tàu thủy Cái Lân. Nhìn chung công ty đã thực hiện tốt theo chính sách của Nhà nước nhưng bên cạnh đó còn một số hạn chế cần khắc phục để công tác hạch toán tài sản cố định của công ty ngày càng tốt hơn.

3.1.1 Ưu điểm

**** Về công tác kế toán nói chung***

- *Tổ chức bộ máy quản lý:* Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý phù hợp với đặc điểm và quy mô hoạt động của Công ty. Các phòng ban được quy định rõ chức năng, nhiệm vụ và thực hiện tốt các yêu cầu quản lý, góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, tiết kiệm chi phí và sử dụng lao động có hiệu quả cho công ty.

- *Bộ máy kế toán:* Bộ máy kế toán của Công ty được tổ chức theo mô hình tập trung nhằm thực hiện chức năng kiểm tra giám sát đầy đủ và chặt chẽ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh phù hợp với tình hình thực tế của công ty. Bộ máy kế toán đã thể hiện rõ vai trò quan trọng của mình trong tham mưu cho các nhà

quản lý trong việc tạo ra các quyết định kinh tế. Với mô hình tổ chức này, năng lực của kế toán viên được khai thác một cách hiệu quả đồng thời hạn chế việc tiêu hao công sức.

- *Hệ thống chứng từ sổ sách*: Hệ thống chứng từ sổ sách Công ty được lưu trữ theo đúng chế độ đảm bảo khoa học trong việc truy cập và tìm kiếm thông tin. Chứng từ của các năm tài chính lần lượt và liên tiếp theo thứ tự được lưu trữ trong các ngăn tài liệu, luôn sẵn sàng cho các cuộc thanh tra, kiểm tra, kiểm toán tài chính.

*** Về công tác hạch toán kế toán TSCĐ nói riêng**

- *Kế toán tổng hợp TSCĐ*: Kế toán tổng hợp TSCĐ không chỉ đảm bảo được tính đầy đủ về mặt nội dung và sự khoa học trong cách trình bày và báo cáo đã giúp cho các nhà quản lý nắm bắt được tình hình sử dụng TSCĐ trong Công ty một cách chi tiết, đúng đắn nhằm đưa ra các quyết định sáng suốt trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

- *Công tác quản lý TSCĐ*: Tài sản cố định được công ty kiểm kê, đánh giá vào thời điểm cuối năm. Việc này giúp cho công ty có khả năng kiểm soát được tình hình hiện trạng của TSCĐ đang được sử dụng tại công ty. Căn cứ vào kết quả kiểm kê hàng năm, công ty đã có những biện pháp giải quyết kịp thời. Ngoài ra việc kiểm kê giúp cho các nhà quản lý định ra được phương hướng đầu tư vào TSCĐ cũng như việc đề ra những biện pháp thích hợp nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng TSCĐ.

- *Công tác theo dõi và tính khấu hao TSCĐ*: Kế toán TSCĐ đã lựa chọn phương thức khấu hao TSCĐ theo phương pháp đường thẳng không chỉ đơn giản dễ thực hiện mà còn phù hợp với tính chất ổn định trong hoạt động của doanh nghiệp.

3.1.2 Hạn chế

Trong việc hạch toán chi tiết TSCĐ Công ty đã thực hiện tương đối đầy đủ các quy định về chứng từ kế toán, tuy nhiên vẫn còn tồn tại một số mặt sau:

- Về công tác ghi chép sổ sách kế toán: Mọi sổ sách của công ty đều làm thủ công, việc ghi chép trên Excel và theo dõi rất mất thời gian, hơn nữa công

tác lưu trữ cũng sẽ gặp không ít khó khăn. Trong khi đó trình độ kế toán trong công ty lại không đồng đều rất dễ dẫn đến việc sai sót và có thể gây ảnh hưởng đến hoạt động của doanh nghiệp.

- Về cách tính khấu hao tài sản cố định: khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng và doanh nghiệp tính khấu hao theo quý. Khi Tài sản cố định được mua về sử dụng chưa tròn tháng, xấp xỉ tháng hoặc thanh lý không vào ngày đầu tháng thì doanh nghiệp vẫn tính khấu hao cả tháng đó.

Ví dụ: ngày 06/03/2015 công ty mua 01 chiếc máy photocopy Sharp AR - 6031N được dùng ở bộ phận văn phòng công ty, giá mua chưa bao gồm thuế GTGT là 38.540.000 đồng, thuế GTGT 10%. Đã thanh toán bằng tiền gửi ngân hàng.

Kế toán tính khấu hao của máy photocopy này từ ngày 01/03/2015 vào khấu hao quý I:

$$\begin{aligned} \text{Khấu hao tháng của} & \quad \quad \quad \frac{38.540.000}{4 \times 12} = 115.620 \text{ đồng} \\ \text{máy photocopy} & \quad \quad \quad \\ \text{Khấu hao của máy} & \quad \quad \quad = 115.620 \times 1 \text{ tháng} = 115.620 \text{ đồng} \\ \text{photocopy quý I} & \quad \quad \quad \end{aligned}$$

- Về bộ máy kế toán: đội ngũ kế toán toàn những người trẻ nên kinh nghiệm của họ còn hạn chế. Tính chất cần cù, tỉ mỉ trong công việc còn thấp dẫn đến công việc còn trì trệ. Khả năng cập nhật các hệ thống chính sách mới còn chậm.

Thứ nhất, do trình độ kế toán trong công ty chưa đồng đều dẫn đến việc chứng từ được luân chuyển từ các bộ phận tới phòng kế toán còn chậm.

Thứ hai, do quan niệm về công tác kế toán của cán bộ công nhân viên chức nói chung và cán bộ kế toán nhiều khi còn coi nhẹ, không tập trung vào công việc dẫn tới việc xử lý chứng từ không được giải quyết kịp thời.

- Về công tác luân chuyển chứng từ và bộ máy kế toán: nhìn chung chứng từ luân chuyển trong công ty còn chậm ảnh hưởng đến tốc độ hạch toán kế toán

tại doanh nghiệp, dẫn đến công việc bị dồn vào cuối kỳ. Việc chứng từ luân chuyển chậm.

3.2 Hoàn thiện công tác kế toán tài sản cố định tại công ty

3.2.1 Sự cần thiết phải hoàn thiện công tác kế toán tại công ty

Trong thời kỳ đổi mới hiện nay, công tác kế toán luôn được chú trọng ở tất cả các doanh nghiệp vì tầm quan trọng của nó. Kế toán không chỉ làm công tác tính toán ghi chép đơn thuần về tài sản và phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ kinh doanh của một doanh nghiệp. Nó còn là một bộ phận chủ yếu của hệ thống thông tin, là công cụ quản lý thiết yếu.

Ngoài ra kế toán còn cung cấp thông tin cho rất nhiều đối tượng trong và ngoài doanh nghiệp. Đối với các nhà quản lý, các thông tin này giúp cho họ có những cơ sở để ra các quyết định kinh tế phù hợp với các nhà đầu tư, các thông tin này là cơ sở để ra các quyết định đầu tư.

Hoàn thiện quá trình này sẽ giúp cho khối lượng công việc kế toán được giảm nhẹ, hệ thống sổ sách đơn giản, dễ ghi chép, đối chiếu, kiểm tra xác định chính xác thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế... tạo điều kiện cho việc nên các báo cáo tài chính cuối kỳ đảm bảo cung cấp đầy đủ thông tin kinh tế cho các đối tượng quan tâm.

Quá trình này được hoàn thiện sẽ giúp cho việc tổ chức chứng từ ban đầu và quá trình luân chuyển chứng từ được dễ dàng, tiết kiệm được chi phí và thời gian tạo điều kiện thuận lợi cho công tác kế toán cuối kỳ để phản ánh một cách chính xác, trung thực, đầy đủ tình hình hoạt động của doanh nghiệp từ đó xác định được hiệu quả kinh doanh và tình hình tài chính của doanh nghiệp và đưa ra những phương hướng kinh doanh trong giai đoạn tới.

Việc hạch toán và quản lý TSCĐ có ý nghĩa đặc biệt quan trọng và một bộ phận không thể thiếu trong quá trình sản xuất kinh doanh của Công ty. Trong điều kiện ngày càng có thêm nhiều đối thủ cạnh tranh trên thị trường hiện nay, kế toán là công cụ hữu hiệu để công ty có thể phân tích được tình hình tài sản của mình, từ đó có hướng đầu tư và phương pháp quản lý thích hợp để tạo nên

sức mạnh nội lực. Việc hạch toán và quản lý TSCĐ hiện nay tại Công ty cần được hoàn thiện để đáp ứng những nhu cầu trên.

3.2.2 Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán tài sản cố định tại công ty TNHH MTV CNTT Cái Lân

Nhìn chung, công tác kế toán của Công ty có nhiều ưu điểm và tính phù hợp cao đã đem lại hiệu quả, song vẫn còn tồn tại một số hạn chế làm cho công tác kế toán chưa thực sự hoàn thiện.

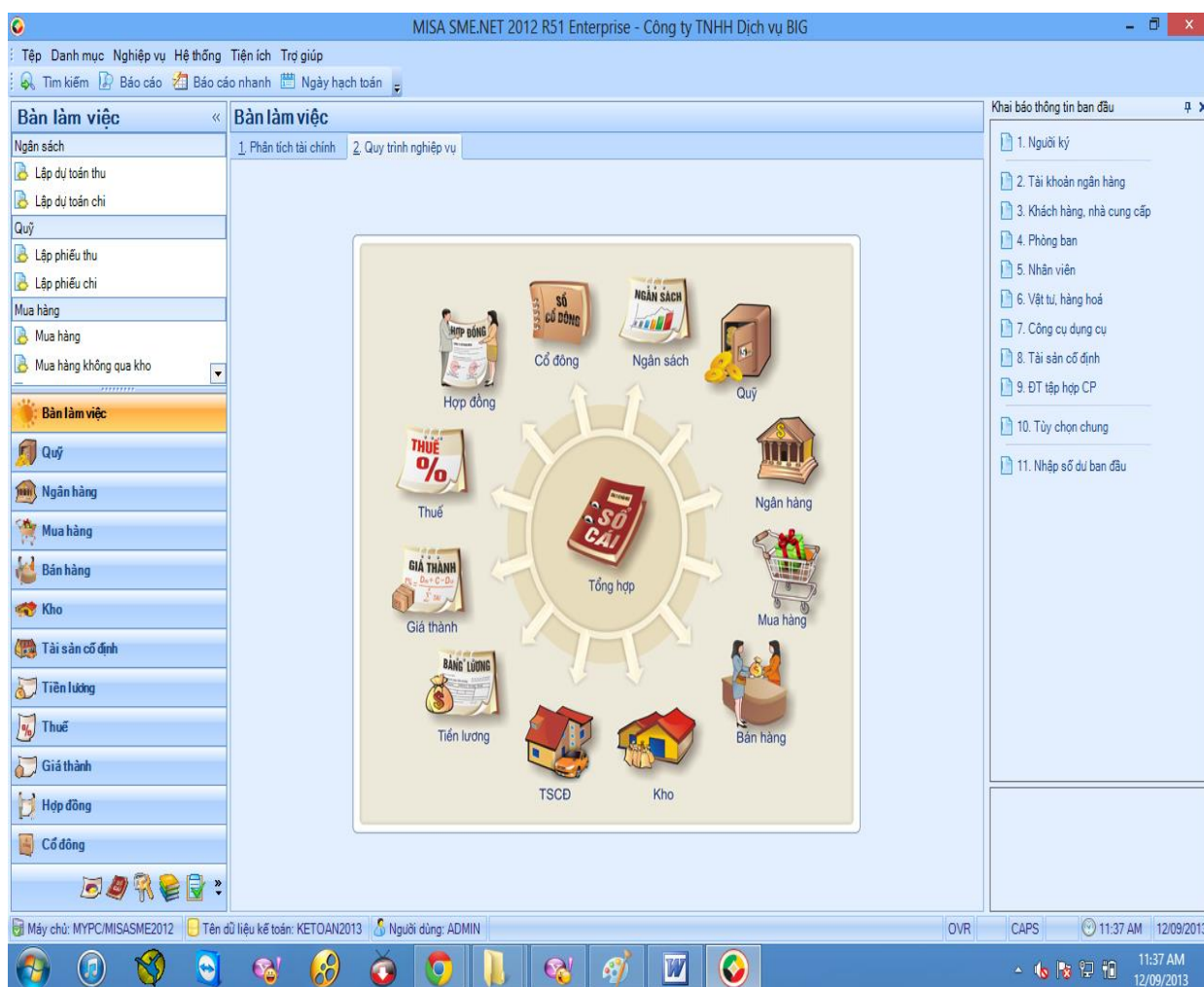
Trên cơ sở những thực tế còn tồn tại, em xin có một số ý kiến đóng góp dưới đây nhằm góp phần nhỏ vào việc hoàn thiện về công tác kế toán tài sản cố định ở Công ty TNHH một thành viên Công nghiệp tàu thủy Cái Lân.

- ***Hoàn thiện về công tác ghi chép sổ sách kế toán:*** với sự hiện đại của khoa học kỹ thuật như hiện nay, thay vì sử dụng các ứng dụng của MICROSOFT OFFICE thì doanh nghiệp nên xem xét và lập kế hoạch mua phần mềm kế toán có sẵn hoặc thuê lập trình phần mềm riêng phù hợp với doanh nghiệp (tuy phương án này có chi phí rất cao).

Dưới đây là một số hiểu biết chung của em về một số phần mềm kế toán đang được sử dụng rộng rãi trên thị trường để giúp công ty có được phương án lựa chọn phù hợp.

1. Phần mềm kế toán MISA

Giao diện màn hình chính.



Giá thành sản phẩm:

Gói sản phẩm/ Dịch vụ	Đơn giá (VNĐ)	Đơn vị tính	Mô tả chi tiết
Phần mềm kế toán doanh nghiệp MISA SME.NET 201 Desktop			
Leasing	2.000.000	GPSD/năm	- Không hạn chế tính năng - Đăng ký tối thiểu 04 GPSD trong 4 năm hoặc 02 GPSD trong 2 năm
Standard	6.450.000	Gói	Phần mềm kế toán MISA SME.NET 2012- 07 phân hệ: Quỹ, ngân hàng, mua hàng, bán hàng, kho, thuế, tổng hợp

Professional	7.450.000	Gói	Phần mềm kế toán MISA SME.NET 2012- 09 phân hệ: Quỹ, ngân hàng, mua hàng, bán hàng, kho, thuế, tổng hợp, tài sản cố định, tiền lương
Enterprise	9.950.000	Gói	Phần mềm kế toán MISA SME.NET 2012- 13 phân hệ: Quỹ, ngân hàng, mua hàng, bán hàng, kho, thuế, tổng hợp, tài sản cố định, tiền lương, giá thành, công đồng, ngân sách
Dịch vụ			
Đào tạo tập trung	950.000	Người/khóa	Đào tạo tập trung 2 ngày tại Hà Nội, HCM, Đà Nẵng hoặc Buôn Ma Thuật, Cần Thơ
Đào tạo trực tiếp tại đơn vị	4.000.000	Khóa	-Đào tạo hướng dẫn sử dụng phần mềm trực tiếp tại đơn vị trong 2 ngày cho tối đa 10 người cán bộ đối với khách hàng tại Hà Nội, HCM, Đà Nẵng hoặc Buôn Ma Thuật, Cần Thơ. Khách hàng ở ngoài địa điểm trên thì phải trả thêm các chi phí đi lại, ăn nghỉ cho cán bộ MISA. -Khách hàng chịu trách nhiệm bố trí máy móc, thiết bị phục vụ cho việc đào tạo.
Thay đổi GPSD	650.000	GPSD/lần	Áp dụng cho tất cả các gói sản phẩm

Ưu điểm:

- Giao diện thân thiện dễ sử dụng, cho phép cập nhật dữ liệu linh hoạt (nhiều hóa đơn cùng 01 phiếu chi). Bám sát chế độ kế toán, các mẫu biểu chứng từ, sổ sách kế toán luôn tuân thủ chế độ kế toán. Hệ thống báo cáo đa dạng đáp ứng nhiều nhu cầu quản lý của đơn vị.

- Đặc biệt phần mềm cho phép tạo nhiều CSDL, nghĩa là mỗi đơn vị được thao tác trên 01 CSDL độc lập.

- Điểm đặc biệt nữa ở MISA mà chưa có phần mềm nào có được đó là thao tác lưu và ghi sổ dữ liệu.

- Tính chính xác: số liệu tính toán trong MISA rất chính xác, ít xảy ra các sai sót bất thường. Điều này giúp kế toán yên tâm hơn.

- Tính bảo mật: Vì MISA chạy trên công nghệ SQL nên khả năng bảo mật rất cao. Cho đến hiện nay các phần mềm chạy trên CSDL, SQL, .NET, ... hầu như giữ nguyên bản quyền (trong khi một số phần mềm viết trên CSDL Visual fox lại bị đánh cắp bản quyền rất dễ).

Nhược điểm:

- Vì có SQL nên MISA đòi hỏi cấu hình máy tương đối cao, nếu máy yếu thì chương trình chạy rất chậm chạp.

- Tốc độ xử lý dữ liệu chậm, đặc biệt là khi cập nhật giá xuất hoặc bảo trì dữ liệu.

- Phân hệ tính giá thành chưa được nhà sản xuất chú ý phát triển.

- Các báo cáo khi kết xuất ra Excel sắp xếp không theo thứ tự, điều này rất tốn công cho người dùng khi sửa lại báo cáo.

2. Phần mềm kế toán Fast Accounting



Giá thành sản phẩm:

- Giá sản phẩm và dịch vụ: 3.500.000đ/ 1 bản.

Giá trên bao gồm:

Bộ cài đặt phần mềm (tải từ trên website của FAST hoặc FAST sẽ gửi đĩa CD)

Cấp tên bản quyền cho đơn vị/cá nhân sử dụng.

Cài đặt, đào tạo và tư vấn ban đầu tại VP của khách hàng: không quá 3 buổi (không quá 3 giờ/ buổi) đối với các khách hàng tại Hà Nội cũ, TP HCM và Đà Nẵng.

Bảo hành, tư vấn và hỗ trợ sử dụng từ xa qua chat, diễn đàn, điện thoại, teamviewer hoặc tại văn phòng của FAST trong vòng 1 năm.

- Giá dịch vụ bảo hành, tư vấn và hỗ trợ hàng năm: 1.500.000đ/1 năm.

Bảo hành, tư vấn và hỗ trợ sử dụng từ xa qua chat, diễn đàn, điện thoại, teamviewer hoặc tại văn phòng của FAST.

Không quá 3 buổi (3 giờ/ 1 buổi) thực hiện dịch vụ tại khách hàng trong trường hợp không thể thực hiện được từ xa.

Chi phí trên được tính cho khách hàng có văn phòng tại Hà Nội cũ, TP HCM, Đà Nẵng. Bên ngoài địa điểm này sẽ tính thêm chi phí đi lại và lưu trú (nếu có), tùy từng trường hợp cụ thể.

- Giá dịch vụ, cài đặt, tư vấn và hỗ trợ theo vụ việc tại VP của khách hàng: 500.000đ/1 buổi.

Một buổi kéo dài không quá 3 giờ.

Chi phí trên được tính cho khách hàng có văn phòng tại Hà Nội cũ, TP HCM và Đà Nẵng. Bên ngoài các địa điểm này thì sẽ tính thêm chi phí đi lại và lưu trú (nếu có), tùy từng trường hợp cụ thể.

- Giá dịch vụ chỉnh sửa mẫu in chứng từ, hóa đơn: 500.000đ/1 mẫu chỉnh sửa các mẫu hiện có trong phần mềm cài đặt, nhưng không thêm các trường hợp thông tin chưa có trong phần mềm từ bản cài đặt.

- Việc trao đổi trong quá trình chỉnh sửa và bàn giao kết quả được thực hiện từ xa qua chat, email, điện thoại, fax, teamviewer.

Đối với phân hệ “Kế toán TSCĐ” thì có các tính năng như điều chỉnh giá trị tài sản, điều chỉnh khấu hao hàng kỳ, khai báo thôi khấu hao, điều chuyển bộ phận sử dụng tài sản... Phần mềm giúp cho việc quản lý TSCĐ được dễ dàng và chính xác. Đặc biệt hơn, phần mềm kế toán FAST giúp cho người sử dụng quản lý thông tin TSCĐ rõ ràng hơn:

+ Theo dõi các thông tin như nguyên giá, giá trị hao mòn, giá trị còn lại, nguồn vốn hình thành, số năm khấu hao / giá trị khấu hao hàng năm, bộ phận sử dụng, mục đích sử dụng, nước sản xuất,...

+ Có 3 trường hợp để phân loại TSCĐ theo các tiêu chí khác nhau giúp người dùng có thể biết rõ TSCĐ tăng, giảm, hay tính và trích khấu hao TSCĐ chi tiết bộ phận, theo nguồn vốn hay theo bộ phận- chi tiết theo nguồn vốn.

+ Cho phép khai báo các tài khoản ngầm định liên quan – tài khoản TSCĐ, tài khoản khấu hao, tài khoản chi phí – để hỗ trợ cho việc tự động hạch toán bút toán phân bổ khấu hao.

Ưu điểm:

- Giao diện dễ sử dụng, sổ sách chứng từ kế toán cập nhật và bám sát chế độ kế toán hiện hành. Cũng giống như MISA, FAST cũng có một hệ thống báo cáo đa dạng, người dùng có thể yên tâm về yêu cầu quản lý của mình (Báo cáo quản trị và báo cáo tài chính).

- Tốc độ xử lý nhanh.
- Cho phép kết xuất báo cáo ra Excel với mẫu biểu sắp xếp đẹp.

Nhược điểm:

- Tính bảo mật chưa cao, trong khi thao tác thường xảy ra lỗi.
- Dung lượng lớn, người dùng khó phân biệt được data.

3. Các phần mềm: Bravo; Comac; Vietaccount2007; Sunlight.

Ưu điểm:

Các phần mềm này giống hệt nhau về quy trình xử lý số liệu, CSDL (Visual fox), chỉ khác nhau về giao diện.

- Giao diện đẹp, dễ sử dụng, dễ cài đặt vận hành
- Các phần mềm này có phân hệ tính giá thành tuyệt vời so với MISA

Nhược điểm:

- Mẫu biểu, chứng từ, sổ sách kế toán chưa cập nhật sát chế độ kế toán.
- Tính bảo mật không cao, thường xảy ra lỗi (giống như fast).

Như vậy thông qua một số thông tin trên theo em doanh nghiệp nên lựa chọn phần mềm hỗ trợ hạch toán kế toán MISA là phương án hợp lý nhất.

- **Hoàn thiện về cách tính khấu hao tài sản cố định:** ví dụ cụ thể như ở nghiệp vụ phát sinh: ngày 06/03/2015 công ty mua 01 chiếc máy photocopy Sharp AR- 6031N dùng ở bộ phận văn phòng công ty, giá mua chưa thuế GTGT là 38.540.000 đồng, thuế GTGT 10%. Thanh toán bằng tiền gửi ngân hàng.

Máy photocopy được mua và đưa vào sử dụng từ ngày 06/03/2015 nhưng kế toán tính khấu hao của máy photocopy này từ ngày 01/03/2015 vào khấu hao quý I:

$$\text{Khấu hao tháng của máy photocopy} = \frac{38.540.000}{4 \times 12} = 115.620 \text{ đồng/tháng}$$

$$\text{Khấu hao của máy photocopy quý I} = \frac{115.620 \times 1}{\text{tháng}} = 115.620 \text{ đồng}$$

Theo quy định tại thông tư 200/2014/TT-BTC của Bộ tài chính ban hành chế độ quản lý và trích khấu hao như sau:

TSCĐ sử dụng bắt đầu từ ngày nào thì tính khấu hao tài sản cố định từ ngày đó. Cách tính khấu hao như sau:

$$\text{Mức trích KH năm của TSCĐ} = \frac{\text{Nguyên giá của TSCĐ}}{\text{Năm sử dụng}}$$

$$\text{Mức trích KH tháng của TSCĐ} = \frac{\text{Mức trích KH năm của TSCĐ}}{12 \text{ tháng}}$$

$$\text{Mức trích KH tháng phát sinh của TSCĐ} = \frac{\text{Mức trích KH tháng của TSCĐ}}{\text{Tổng số ngày của tháng phát sinh}} \times \text{Số ngày sử dụng trong tháng}$$

$$\text{Số ngày sử dụng trong tháng} = \text{Tổng số ngày của tháng phát sinh} - \text{Ngày bắt đầu sử dụng} + 1$$

Kế toán sửa lại như sau:

$$\text{Khấu hao năm} = 38.540.000 / 4 \text{ năm} = 9.635.000 \text{ đồng/năm}$$

$$\text{Khấu hao tháng của máy photocopy} = \frac{9.635.000}{12} = 802.917 \text{ đồng/tháng}$$

$$\begin{array}{l} \text{Khấu hao của máy} \\ \text{photocopy tháng 3} \end{array} = \frac{802.917}{31} \times 26 = 673.414 \text{ đồng}$$

Khấu hao của máy photocopy quý I = 673.414 đồng

- **Hoàn thiện về bộ máy kế toán:** Đề công tác kế toán được thực hiện một cách đúng đắn, chuyên nghiệp và phù hợp với quy định của nhà nước, công ty nên thường xuyên có thêm các hoạt động như: cho phép cán bộ công nhân viên đi tập huấn, học bổ sung, nâng cao nghiệp vụ và kinh nghiệm, tổ chức tham gia tích cực các hoạt động của đoàn thanh niên phường, quan tâm đến đời sống cán bộ, nhân viên, ...

- **Hoàn thiện việc luân chuyển chứng từ kế toán:** việc luân chuyển chứng từ từ các phòng ban tới phòng kế toán còn chậm gây dồn ứ công việc sang tháng làm ảnh hưởng không tốt cho công tác kế toán và khiến nhân viên kế toán vất vả trong công việc. Vì vậy để chứng từ được luân chuyển kịp thời và đầy đủ công ty nên có những quy định về ngày luân chuyển chứng từ trong tháng.

Chẳng hạn như doanh nghiệp có thể quy định đến các ngày nhất định trong tháng các phòng, ban phải tập hợp và gửi toàn bộ chứng từ phát sinh về phòng kế toán để kế toán xử lý các chứng từ đó một cách cập nhật nhất. Với công nghệ thông tin bây giờ rất hiện đại có thể sử dụng các ứng dụng của mạng internet như email...

Công ty có chế độ, quy định thưởng với những phòng ban luân chuyển chứng từ kịp thời và phê bình, kỷ luật đối với những cá nhân, tập thể không thực hiện đúng quy định để quản lý giờ làm việc, bàn giao công việc hợp lý và trách nhiệm của từng người để tăng hiệu suất làm việc.

KẾT LUẬN

Tài sản cố định là cơ sở vật chất không thể thiếu trong quá trình sản xuất kinh doanh tại mỗi doanh nghiệp nói riêng và nền kinh tế quốc dân nói chung. Kế toán TSCĐ và phân tích tình hình sử dụng TSCĐ không chỉ góp phần nâng cao hiệu quả, chất lượng quản lý, sử dụng TSCĐ mà còn có ý nghĩa thực tiễn trong quá trình định hướng đầu tư.

Công ty TNHH một thành viên công nghiệp tàu thủy Cái Lân đã nắm bắt được vấn đề này và đi sâu vào khai thác TSCĐ một cách có hiệu quả. Công ty đã đầu tư đúng đắn vào TSCĐ, quản lý và sử dụng có hiệu quả. Bên cạnh những thành tựu đã đạt được Công ty vẫn còn những tồn tại cần khắc phục.

Sau thời gian thực tập tại phòng tài chính kế toán Công ty TNHH một thành viên Công nghiệp tàu thủy Cái Lân em đã có điều kiện tìm hiểu thực tế quá trình hạch toán kế toán TSCĐ tại công ty, giúp em vận dụng được những kiến thức đã học vào thực tế. Đồng thời, giúp em học hỏi được nhiều điều từ sự vận dụng linh hoạt chế độ kế toán cho phù hợp với từng đặc điểm riêng biệt của từng đơn vị, từng công ty.

Do trình độ lý luận và thực tiễn còn hạn chế, thời gian thực tập có hạn, nên bài khóa luận của em không tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được sự góp ý của thầy, cô giáo và các anh chị phòng kế toán của Công ty để bài khóa luận của em được phong phú và lý luận sát với thực tiễn ở công ty.

Qua đây, em xin chân thành cảm ơn các anh chị trong công ty TNHH MTV công nghiệp tàu thủy Cái Lân. Cảm ơn các thầy cô giáo trong Khoa Kế toán và đặc biệt là thầy giáo Ths. Nguyễn Văn Thụ đã giúp em trong quá trình thực tập để em có thể hoàn thiện bài khóa luận tốt nghiệp của mình.

Em xin chân thành cảm ơn!

Hải Phòng, tháng năm 2016

SINH VIÊN

Trần Thị Thắm

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Các tài liệu tham khảo từ Công ty TNHH một thành viên Công nghiệp tàu thủy Cái Lân:

1. Báo cáo tài chính 2014– 2015
2. Các chứng từ phát sinh trong năm 2015 liên quan đến tài sản cố định.
3. Sổ Cái tài khoản 211,214,642,...
4. Nhật ký chung phát sinh tháng 12/2015.

Các giáo trình:

5. Giáo trình Kế toán tài chính trong các doanh nghiệp – Đại học Kinh tế quốc dân, GS.TS Đặng Thị Loan.
6. Nguyên lý kế toán – Nhà xuất bản Tài chính, TS Trần Quý Liên.
7. Hướng dẫn thực hành kế toán Doanh nghiệp, ghi sổ kế toán theo các hình thức kế toán lập Báo cáo tài chính DN – Nhà xuất Tài chính, PGS.TS Võ Văn Nhị.

Các trang web:

8. <http://tapchiketoan.com>
9. <http://www.tailieu.vn>
10. <http://Vietnam.net>